

TUAN BAO RA NGAY THU BAY

THANH-NGH!

NGHI-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm : VŨ ĐÌNH HỒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|---|--------------------|
| — Bang giao Hoa Việt | PHAN ANH |
| — Gia đình và giáo-dục : Giáo -
dục duy nhất | VŨ ĐÌNH HỒE |
| — Vấn đề bản vị tiền tệ (tiếp theo) | ĐO ĐỨC DỤC |
| — Khái luận về học vấn : Học lấy
và học ở nhà trường | ĐÌNH GIA TRINH |
| — Sơ luận : Minh-mạng thập điều | TRƯƠNG CHÁNH |
| — Danh văn ngoại quốc : Con gà
(Nguyên văn của Anatole France) | LÊ ĐOÃN VỸ dịch |
| — Một tâm hồn nghệ sĩ (Truyện
đài của Somerset Maugham) | LÊ ĐÌNH CHÂN dịch |
| — Lôi vũ (Bi kịch của Tào Ngụ) —
(tiếp theo) | BẶNG THÁI MAI dịch |

NĂM THỨ TƯ : SỐ 95 — NGÀY 9 DÉCEMBRE 1944

TÒA BÁO : 15 PHỐ HÀNG DA HANOI * Giấy in : 19 43 * GIÁ 0 3 80

GIÁ BÁO. — BAC-KỲ, TRUNG-KỲ, NAM-KỲ, CAO-MIÊN, LÃO 3 th. 9\$00, 6 th. 18\$00, 12 th. 36\$00

BAO THANH - NGHI

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP
VAO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA
DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ THUẬT CHÂN CHÍNH

Trong số 16 Décembre 1944

- | | |
|---|--------------------|
| — Phê bình | TRỌNG ĐỨC |
| — Văn-đề tiền đồng tiền kẽm ở nước ta | NGUYỄN NGỌC MINH |
| — Quyền tư-pháp trong Hiến-pháp Trung-hoa | PHAN ANH |
| — Nhận xét nhỏ về dân què Bắc-kỳ | TÂN PHONG |
| — <i>Sổ liệ</i> : Từ Phở Nghĩa và An-nghiep ở Bắc-kỳ (1872-1874). | NGUYỄN THIỆU LÂU |
| — Nước Trung-hoa kien thiết lại. | THẾ THỤY dịch |
| — <i>Đời sống Đông-dương</i> : Chợ đẹp (Tiếp theo). | V. H. |
| — Một tâm hồn nghệ sĩ (Truyện dài của Somerset Maugham). | LÊ ĐÌNH CHÂN dịch |
| — <i>Lời vũ</i> (Bí kịch của Tào Ngụ) (Tiếp theo). | ĐẶNG THÁI MAI dịch |

BA SÁCH MỚI

Kịch thơ
của Vũ hoàng Chương

Truong Chi

GIA 6\$50

Thuy hu'

Bản dịch
của Trần tuần Khải

GIÁ 3\$00

Chuyện dài
của Nguyễn Hồng

Vu'c tham

GIA 4\$00

NHÀ XUẤT BẢN "ANH HOA" — 69, HÀNG THAN
VĂN PHÒNG : 115, HENRI D'ORLÉANS — HANOI

CÙNG BẠN ĐỌC

Từ nay bản báo chỉ ấn hành số báo đủ để gửi
cho các bạn chứ không còn dư như mọi khi. Vậy
mong rằng bạn nào, hề nhận được thư nhắc hết
hạn báo thì gửi ngay ngân phiếu về mua hạn mới.

Bao giờ cũng có thư nhắc trước bốn số, nên
mẫu đến số hết hạn cũ mà không nhận được bưu
phiếu mua hạn mới chúng tôi sẽ đình gửi báo và
như vậy nếu bạn nào chậm gửi tiền về sẽ bị gián

đoạn mấy số mà chúng tôi không còn nữa.

SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được « Đề hiểu âm
nhạc » của bạn VĂN HOA do Người Bốn Phương
xuất bản.

Hợp Lý Hóa của Lê Văn Siêu do Hàn
Thuyền xuất bản.

Xin cảm tạ các nhà gửi tặng và giới thiệu
cùng bạn đọc.

T. N.

BANG GIAO HOA VIET

PHAN ANH

Đối với nhiều người Việt-nam thì nước Trung-hoa, về phương diện chính trị, chỉ để có hai thứ kỷ ức : kỷ-ức thuộc về thời-kỳ nội thuộc, giao tranh hay thần phục, mà ta lại coi Trung-hoa như là một địch-quốc; hay kỷ-ức thuộc về thời-kỳ cận đại, trong đó Trung-quốc đối với ta chỉ là một sân khấu diễn biết bao bi kịch hay hí kịch mà chúng ta nhìn xa với con mắt đứng dưng.

Thời gian qua, và tình hình thế-giới cũng thay đổi : ta đã giữ đến một trang lịch sử mới và phải nhận rằng cái thành kiến Hoa Việt cũnhanh không thể còn được nữa mà cả đến cái thái-độ đứng dưng cũng là một thái-độ thật sạch.

Hãy nói về thành kiến Hoa Việt cũnhanh. Đã đành rằng trong lịch-sử đối với lân-quốc phía bắc, nước Việt ta đã nhiều phen chinh chiến, và những vị anh hùng của ta hầu hết là những người đã có công chiến thắng Trung-hoa. Nhưng cứ bình tĩnh mà xét, thì ta hãy tự hỏi trong lịch-sử các nước ở hoàn cầu có một nước nào mà không xích-mịch với lân-quốc? Sự xích-mịch đó là một sự dĩ nhiên giữa các tàn bang, không sao tránh khỏi, vậy ta không thể căn-cứ vào lịch sử chiến-trạch Hoa Việt mà vội kết luận rằng giữa ta với họ có một mối thù riêng. Huống-chi xét lịch-sử bang giao của ta với Trung-quốc ta cũng nên thể nhận rằng, trong thời kỳ độc lập, Trung-hoa cũng thực tâm giao hiếu với ta và rất kính nể nước ta. Chữ thần phục của Nam quốc đối với Bắc triều chẳng qua chỉ là một danh hiệu đặt lây lộn, kỳ thực thì nước Việt ta hoàn-toàn tự chủ.

Cho nên chưa nói chi đến cảm tình do văn hóa do chủng tộc xây nên, chỉ nói về phương diện khách quan chính-trị, thành kiến Hoa Việt cũnhanh là một sự lầm. Mà thực ra thành kiến ấy hình như nay chỉ còn là một kỷ ức lịch-sử mà thôi. Trong thế-hệ ta còn ai là coi Trung-hoa như địch quốc!

Nhưng trái lại thế-hệ ta đối với Trung-quốc thật quá đứng dưng.

Trong nửa thế-kỷ nay biết bao nhiêu sự biến cải xảy ra ở Trung-quốc, về tất cả các phương-diện : chính-trị, kinh-tế, học-thuật. Thế mà đối với thế-hệ ta, thì phần ảnh của những cuộc biến thiên ấy chẳng qua vắn vẹo một vài cột báo kể chuyện các tướng Tàu hay một vài bộ tiểu-thuyết ngôn tình của mấy nhà văn lãng-mạn.

Đã đành rằng ta đứng dưng vì ta không có cơ-hội kích thích hay bó buộc. Nhưng dầu sao nữa tình trạng ấy là một điều khuyết điểm rất đáng tiếc. Trong khi hoàn-cầu chăm chú đến Trung-quốc, từ Âu sang Mỹ, biết bao nhà khảo-cứu, nhà chính-trị, nhà kinh-doanh chăm chú đến Trung-hoa, mà chúng ta là một nước láng giềng, cả lịch-sử địa-dư cả tinh-thần, vật-chất có mật-thiết liên-lạc với Trung-hoa, mà ta đứng dưng với Trung-hoa, thật là một thái-độ thật sạch.

Dẫu không có cơ-hội mà giao-thiệp, thì ít ra ta cũng nên biết. Biết để mà kinh-nghiệm những cuộc cải cách đã thi-hành, những phong-trào đương phát-khởi ở Trung-quốc. Ta với Tàu về phong-tục về kinh-tế nhiều chỗ giống nhau : cho nên kết-quả những cuộc thí-nghiệm ở Trung-hoa rất có thể đem áp-dụng cho ta.

Vậy chỉ đứng về phương-diện thí-nghiệm đó, ta cũng đã cần lưu ý đến thời cơ Trung-hoa rồi

PHAN ANH

GIA-ĐÌNH VA GIAO-DỤC

GIAO DỤC DUY NHẤT

VU DINH HOÀ

(Tiếp theo)

II.—Những dự án về vấn-đề Giáo-dục duy nhất

Từ năm 1909 đến năm 1939 ở Pháp có ước chừng hơn hai trăm bản dự án về vấn-đề « Giáo dục duy nhất » do các hội học, các đoàn-thể trong giáo giới các hội, đảng chính-trị, các nghiệp đoàn thợ thuyền, các nhóm nghị-viên trong Thượng, Hạ-nghị-viên, các ủy ban chính-phủ khởi xướng và thảo luận. Những dự án ấy rất phức tạp, mỗi dự án chuyên chú vào một vài điểm quan trọng của vấn đề, nhiều dự án có những chỗ tương đồng, nhưng cũng có khi có những điều trái lại nhau.

Xét về đại-cương, người ta có thể chia những dự án ấy ra làm năm loại mỗi loại nêu lên một điểm đặc biệt của vấn đề : « Giáo dục duy nhất »

a) Loại thứ nhất: *thuyết bình-dẳng* (égalitarisme).

Trong loại này, đáng chú ý nhất là dự án của Học đoàn (Ligue de l'Enseignement) và nhất là của Ủy ban chính-phủ do ông Herriot khởi xướng và ông François Albert (tổng trưởng bộ Học-Vụ) lập nên năm 1925 đề nghị nghiên cứu vấn đề « Giáo dục duy nhất » Việc chính-phủ lập một ủy ban nghiên cứu ấy đi sau sự đắc thắng của cuộc liên kết giữa các tả-đảng (Cartel des Gauches) mà thế lực rất mạnh từ cuộc bầu cử năm 1924. Ủy ban nghiên cứu gồm có các ông Ferdinand Buisson nguyên-nghị-viên, nguyên-Giam-đốc ty tiểu-học, làm chủ tịch, ông Victor Lénard nghị-viên Viện trên ông, Cazal, nghị-Viên viện dưới, ông Vial, giám đốc lên Trung-học cùng nhiều giáo-sư và nam nữ giáo-viên.

Bản dự án, do Ủy-ban quyết định, muốn thực hiện sự bình-dẳng giữa tất cả đám thanh niên:

giàu hay nghèo ai ai cũng có quyền được hưởng một học vấn theo tư chất và tài năng. Sự bình đẳng sẽ thực hiện bằng những cách sau này.

— Không bắt học trò trả học phí ở bất kỳ bậc học nào.

— Hợp nhất những nền học xưa kia cách biệt nhau, xếp đặt việc học thành những bậc trên dưới theo tuổi học trò, chứ không tách ra làm những nền khác nhau mỗi nền dành riêng cho một giai cấp xã-hội. Chỉ có một nền học chia làm 4 bậc: bậc tiểu học, 2 bậc trung học và bậc đại học.

— Bậc trung học chia làm 4 ban cao-dẳng tiểu-học, chuyên nghiệp, cổ điển và cận-đại, bốn ban ấy sẽ được coi ngang hàng nhau.

b) Loại thứ hai: *Lựa chọn học trò và tập trung quyền điều-khiển sự-học* (Sélection et Centralisation)

Nếu đã định cho tất cả thanh niên giàu hay nghèo có quyền được hưởng học vấn ở bất kỳ bậc nào thì tất phải lựa chọn học trò từ bậc dưới lên bậc trên theo tư chất của chúng. Đó là kết quả dĩ nhiên của thuyết bình-dẳng. Điều này đã được giải thích rõ ràng trong bản dự án của một ban nghiên-cứu và vận động cho giáo-dục duy nhất (Comité d'études et d'action pour l'Ecole Unique) gồm những đại biểu của hơn 30 đoàn-thể: hội học, hội các giáo-sư và giáo-viên, hội chính-trị như Liên-đoàn-quốc-gia, những chiến sĩ cộng-hòa dân-chủ, hội Tam-điểm, hội Nhân-quyền và Dân-quyền, — những chính-đảng như Liên-đảng xã-hội và cộng-sản, đảng dân-chủ cấp-tiến và cấp-tiến xã-hội. Ban nghiên-cứu và vận động cho « Giáo-dục duy nhất » lập năm 1925 họp trong 2 năm đến năm 1927 thì làm xong bản dự án (Ông Marceau Pivert là một báo cáo ủy viên của bản dự án) một mặt thì công bố ở các báo chí và gửi đi

(các cơ quan cổ-dộng ở các địa phương một mặt thì giao cho nhóm nghị-viên, xét về việc giáo-dục, gồm hơn một trăm ông nghị ở Hạ-ngli-viện, tận tâm tận lực theo đuổi việc thực hiện một nền học duy nhất.

Theo bản dự án này ở nền học đệ nhất cấp (enseignement du 1er degré) học-trò được vào học không cần phải một điều kiện gì về tư-chất cả, nền học đệ-nhất cấp có ba bậc, những bậc trên dành cho các học trò không được lựa chọn-chính-thức. Ba bậc ấy là:

— Bậc sơ-học (enseignement élémentaire) bắt buộc cho trẻ con lên 6 tuổi.

— Bậc học bổ-túc (enseignement complémentaire) bắt buộc trẻ con từ 11 đến 15 tuổi, không đủ sức để theo nền học đệ-nhị cấp.

Bậc học sau học-đường (enseignement post-scolaire) cho học thành-nhân đã không được ứng tuyển.

Nền học đệ-nhị-cấp là dành riêng hẳn cho học trẻ đã được xét là đủ sức theo học, (được nhà nước xét chứ không phải gia-đình xét hay tự xét là đủ sức). Người ta sẽ xét sức học của chúng bằng ba cách:

1) xem những kết quả ở bậc học dưới ghi trong học-bạ.

2) bắt thi viết và vấn-đáp, mục-dịch để xét tư chất nhiều hơn là kiểm soát kiến thức của chúng.

3) làm những thí-nghiệm thuộc khoa tâm-lý học

Nền học đệ-nhị-cấp có hai bậc, từ bậc dưới lên, bậc trên học trò lại phải qua một kỳ thi lựa chọn nữa. Bậc thứ hai là bậc chuyên khoa chia làm 6 ban tương đương: văn-chương, khoa-học, kỹ-nghệ, thương-mại, hành-chính và canh-nông, cùng đưa tới những kỳ thi lấy bằng tốt nghiệp tài.

Có bằng này, thanh-niên sẽ được vào học một ngành trong bậc đại-học, là bậc học chuyên môn cao cấp.

Việc kén chọn học-trò, muốn được chu đáo, công bình và cùng theo một hệ thống, tất phải tập trung vào một cơ quan trung ương tức là bộ quốc-dân giáo-dục. Cả quyền điều khiển sự học nữa, vì việc ấy phải đi đôi với quyền kén chọn học trò. Các cơ quan bang tỉnh hay bang xã (các viên-chức và hội

đồng học chính), không có quyền định đoạt như trước nữa, mà chỉ là những cơ quan thừa hành những huấn lệnh của Trung ương.

c) loại thứ ba: Xã-hội-hóa (Socialisation).

Khi việc học đã xếp đặt bằng sự kén chọn học trò một cách khắc nghiệt và khi sự kén chọn ấy do chính-phủ tổ-chức thì sự xây dựng một nền giáo dục cho tất cả thanh-niên và dân-chúng là thuộc quyền điều-khiển của xã-hội. Cái khuynh-hướng xã-hội-hóa công cuộc giáo-dục, người ta nhận thấy trong những dự án của ông nghị-viên Déat thuộc đảng xã-hội và của nhóm đảng viên nghiên-cứu việc học của chi nhánh hội Tam-diêm ở Pháp (groupe fraternel de l'enseignement). Công việc tuyển học-sinh vào các bậc học phải lệ thuộc vào những nhu-cần của sự hoạt-động kinh-tế của cả Đoàn-thể. Công việc sát-hạch tài-năng của thanh-niên phải chi-phoi bởi những nhu-cần xã-hội, bởi sự đòi hỏi của xã-hội về những nhân-viên chuyên-môn trong mỗi ngành kinh-tế.

Theo lối tổ-chức giáo-dục ấy giai-cấp tư-bản sẽ kém thế dần, mà sẽ nảy ra những giai-áp xã hội khác là hạng người làm việc bằng chân tay hạng kỹ-sư chuyên-môn và giữa hai hạng đó là hạng « phó kỹ-sư » làm các việc đo-công, trông coi thợ thuyền và thi hành những huấn lệnh của các viên kỹ-sư. Ba giai-cấp ấy đều đã được huấn, luyện trong học đường và trong khi học, đã được lựa chọn bằng những kỳ thi sát hạch sự học và tài-năng của họ

d) loại thứ tư: Quốc gia-hóa. (Nationalisation).

Thuyết giáo-dục duy-nhất đã đưa tới cái đích cuối cùng là « quốc-gia-hóa » cái công cuộc rèn luyện thanh-niên trong những dự án của Nghiệp-đoàn các nam nữ giáo-viên (Syndicat national des Instituteurs et Institutrices).

Muốn cho giáo-dục được duy-nhất, sự tổ-chức và điều-khiển việc học phải là độc quyền của quốc-gia. Nghĩa là không có một tư nhân hay một đoàn-thể nào có quyền lập trường, không thể có một nền tư-thục nào cả. Các thị-xã (cơ quan hành-chính địa phương) cũng không được có quyền điều khiển việc huấn luyện thanh-niên mà cả hình-phủ trung ương cũng vậy. Công cuộc giáo-

sản mang đến xin đúc thành tiền. Thế mà cũng lúc đó công chúng lại nhận ra rằng tiền bằng bạc rất cần thiết, kinh doanh, và sự xuất sản vàng tăng lên ở mức độ lại một số vàng đã để lưu hành trong mọi việc giao dịch. Như vậy là có điều rất cần phi-lý ở việc đúc tiền bạc kia.

Vì thế có những người khôn ngoan hơn đề nghị mọi nước lấy tỉ giá 1-20, như thế mỗi loại bất ngờ cho các nhà xuất sản bạc không còn nữa. Nhưng điều giải quyết này đem lại một sự trở ngại lớn cho vài nước, nhất là nước Pháp. Nước Pháp bấy giờ đang theo tỉ giá 1-15,5, nếu bây giờ lại theo tỉ giá mới thì tất nhiên bao nhiêu đồng tiền bằng bạc sẽ phải đúc lại hết, nhất là những đồng 5 francs vì thực giá (*valeur réelle*) của nó nay chỉ còn 3,75 francs. Như vậy Chính phủ Pháp rất bị thiệt vì Chính phủ sẽ phải nhận những đồng 5 francs rồi lại đem lưu hành với cái giá mới là 3,75 francs. Đồng thời trữ kim (*encaisse métallique*) của nhà Pháp quốc Ngân hàng bị sụt rất nhiều vì một phần lớn trữ kim đó là bằng đồng 5 francs.

Một cục chính sách lương kim quốc tế, vì những trở ngại trên đây, chỉ ở trong vòng thuyết-lý. Dầu sao, ở một nước như nước Pháp, vì người ta không muốn theo hẳn kim-bản-vị-chế, đồng thời người ta cũng không thể theo được lương-kim-chế, vì những trở ngại của nó (1), người ta thành ra phải tìm một chính-sách trung gian mà ta xét đến sau đây.

B — Chính sách lương-kim trung-gian

Chính-sách này không phải do một sự xây dựng thuyết-lý sinh ra mà là kết quả của những sự sửa đổi dần dần theo kinh nghiệm và tây từng trường-hợp. Cho nên ở đây ta cần phải phác qua lại lịch-sử của những việc bất-khuyết liên tiếp đó, mỗi việc dựa vào một thực trạng nhất thời.

Khởi điểm là đạo luật ngày 7 *Germinel*, năm XI (2) thiết lập lương-kim-chế hoàn toàn với những đặc-điểm của nó : hiệu lực miễn trái vô hạn và quyền đúc tự do cho cả vàng lẫn bạc, tỉ giá pháp-định giữa vàng và bạc là 1-15,5

Dưới thời Đệ-nhi Đệ-chính vì người ta tìm ra những mỏ vàng rất giàu ở *Californie* và ở *Australie* (Úc-dại-lợi) cho nên giá vàng trong thị-trường bị sụt và do đó có sự chênh lệch giữa tỉ giá pháp-định và tỉ giá thị-trường. Vào khoảng tam cá nguyệt thứ ba năm 1859 tỉ giá thị-trường là 1-15,03 chứ không phải 1-15,5. Sự chênh lệch đó đã làm ngang trở chính sách lương kim Pháp do sự giá tiền ngoại quốc và nạn đầu cơ (3). Nhưng ở đây ngược lại trường hợp đã nói ở trên, không phải tiền vàng mà là tiền bạc chạy ra ngoại-quốc vì trong trường hợp này, tiền vàng lại là tiền bị sụt giá tức là tiền xấu.

Sự đầu cơ bấy giờ rất mạnh một phần lớn do những nhà ngân hàng Anh gây nên. Là vì hồi đó nước Anh phải giả nợ Ấn-độ nhiều, thế mà Ấn-độ lại chỉ nhận nợ bằng bạc. Các nhà ngân hàng Anh liền nghĩ ra một phương kế có lợi này : thí dụ họ có một kilo vàng, nếu đổi ở thị trường *Londres* thì họ chỉ được 45,03 kilo bạc ; họ liền gửi kilo vàng đó sang Sở Tiền-tệ Pháp xin đúc thành tiền và lại đổi luôn tiền vàng ở đó lấy tiền bạc và được một số tiền tương đương với 15,5 kilo bạc mang về, vì tỉ giá pháp-định ở đó là 1-15,5. Như vậy là cứ mỗi kilo vàng họ được lời gần nửa kilo bạc.

Vì sự đầu cơ đó mà hàng 2 ngàn triệu đồng tiền bằng bạc biến mất trên trường giao dịch Pháp và công chúng Pháp rất lấy làm bất bình trước sự khan thiếu những đồng bạc 5 francs 2 frs, 1 fr, 0 fr. 50 và 0 fr. 20 cần thiết cho những việc tiêu pha hàng ngày.

Những yêu sách háng hái của công chúng khiến cho các nhà cầm quyền phải can thiệp ở Pháp cũng như ở những nước lân bang cũng theo lương kim chế. Bốn nước, Pháp, Ý, Thụy-đi và Bỉ thoả thuận ký một bản hiệp ước ngày 23 *Décembre* 1865 và hợp thành một khối gọi là *Liên-minh tiền-tệ ta-tinh* (*Union monétaire latine*). Họ đồng lòng hạ tuổi các đồng tiền bằng bạc từ 0,900 xuống 0,835 như vậy tiền bạc từa từa tiền đồng và thực giá của nó kém hẳn mệnh (*Xem tiếp trang 27*)

VAN-DE BAN-VI TIEN-TE

(PROBLÈME DE L'ÉTALON MONÉTAIRE)

ĐỖ ĐỨC DỤC

(Tiếp theo số 93)

VI. — Những điều bổ-khuyết cho lưỡng-kim-chế

Chúng ta đã biết rằng chính sách lưỡng-kim, ở nước Pháp chẳng hạn, bị hai yếu tố làm sai lạc đi là sự giả tiền ngoại quốc và sự đầu cơ. Và bên cạnh những nước bỏ hẳn chế độ đó để theo kim-bản-vi-chế, có những nước khác, như nước Pháp, chỉ tìm cách bổ khuyết dần dần tùy theo tình trạng liệp và cứ như thế cho mãi tới cuộc đại chiến 1914. Nhưng ta cũng nên biết đã có một số người chủ trương và hô hào một chính-sách lưỡng-kim thí hành cho tất cả các nước trên hoàn cầu. Tuy nhiên chính-sách lưỡng-kim quốc-tế đó vẫn chỉ ở phạm vi lý-thuyết vì, đem thí hành, nó gặp những trở ngại lớn mà ta xét ở sau đây.

A — Chính-sách lưỡng-kim quốc-tế

Những người chủ trương chính sách này đề nghị một sự thỏa thuận ít ra giữa các nước lớn trên hoàn cầu, mục đích là ấn định một tỉ giá cả giữa vàng và bạc duy nhất, chung cho khắp mọi nước.

Sở dĩ sự thí hành lưỡng-kim-chế ở vài nước bị ngang trở là vì ở những nước đó tỉ giá pháp định giữa vàng và bạc không giống ở nhiều nước khác, cùng là quyền đúc tự do của tiền bằng bạc nơi có nơi không, do đó sự giả tiền ngoại quốc và sự đầu cơ mới lợi dụng được. Nếu bây giờ nước nào cũng lấy cái tỉ giá chung là 1 với 17 chẳng hạn, và cùng cho cả vàng lẫn bạc đều được quyền đúc tự do thì những sự ngang trở kia không còn lý do tồn tại nữa: vì ở nước nào, cũng vậy 1 ki-lô vàng bằng giá 17 ki-lô bạc, thành ra người ta giả tiền ra nước

ngoài dù bằng vàng hay bạc cũng không thiệt, hay lợi gì cả, và sự đầu cơ cũng không trở nữa.

Người ta lại còn đi xa hơn nữa và cả quyết rằng nếu tất cả mọi nước đều thừa nhận một tỉ giá tiền tệ chung thì tỉ giá thị trường tự nhiên phải rập theo nó. Là vì vàng và bạc tuy cũng dùng để làm các vật khác như đồ tư trang, đồ mỹ thuật, nhưng chỉ rất ít không đáng kể so với số vàng bạc dùng làm tiền, như vậy nếu tất cả các Sở Tiền-tệ mọi nước đều nhận đúc tiền vàng và tiền bạc theo cái tỉ giá duy nhất, thì tự nhiên tỉ giá đó sẽ lấn áp cả ở trên thị trường.

Tuy nhiên mặc dầu sự hô hào nhiệt liệt của các người chủ trương thuyết lưỡng-kim quốc-tế ở Hoa-kỳ và ở Pháp, thuyết đó vẫn không đắc thắng vì sự thực nó không vững chãi như thoạt nghe nói, và đem thí hành nó gặp những nỗi khó khăn không vượt qua được.

Người ta định cho mọi nước theo một tỉ giá tiền tệ duy nhất nhưng tỉ giá đó là bao nhiêu?

Những người táo bạo nhất yêu cầu lấy cái tỉ giá 1—15,5 nghĩa là tỉ giá thực tại từ bữa đầu thế kỷ thứ 19, không kể đến sự sụt giá của bạc trên thị trường trong hàng nửa thế kỷ. Nhưng nếu vậy thì sẽ xảy ra điều trở ngại sau đây. Lúc mọi nước bắt đầu cùng thừa thuận thì tỉ giá trên thị trường đã khác đi nhiều rồi, nó đã thành 1—20, chứ không phải một là 1—15,5 nữa. Nếu bây giờ thừa nhận tỉ giá này, tức là 15,5 ki-lô bạc bữa hôm nay bằng giá 20 ki-lô bạc hôm trước, hay nghĩa là bạc sẽ tăng giá lên khá nhiều. Đồ hương mới lợi bất ngờ đó tất nhiên sự khai khẩn các mỏ bạc mới tăng nhịp lên vô cùng và các Sở tiền tệ đột nhiên bị ngập vì bạc của các nhà xuất

san mang đến xin đúc thành tiền. Thế mà cũng lúc đó công chúng lại nhận ra rằng tiền bằng bạc rất cần thiết, kèn cang, và sự xuất sản vàng tăng lên ở thủ đem lại một số vàng đủ để lưu hành trong mọi việc giao dịch. Như vậy là có điều rất cần phi-lý ở việc đúc tiền bạc kia.

Vì đó có những người khôn ngoan hơn đề nghị mọi nước lấy tỉ giá 1-20, như thế mỗi loại bất ngờ cho các nhà xuất sản bạc không còn nữa. Nhưng điều giải quyết này đem lại một sự trở ngại lớn cho vài nước, nhất là nước Pháp. Nước Pháp bây giờ đang theo tỉ giá 4-15,5, nếu bây giờ lại theo tỉ giá mới thì tất nhiên bao nhiêu đồng tiền bằng bạc sẽ phải đúc lại hết, nhất là những đồng 5 francs vì thực giá (*valeur réelle*) của nó nay chỉ còn 3,75 francs. Như vậy Chính phủ Pháp rất bị thiệt vì Chính phủ sẽ phải nhập những đồng 5 francs rồi lại đem lưu hành với cái giá mới là 3,75 francs. Đồng thời từ kim (*encaisse métallique*) của nhà Pháp quốc Ngân hàng bị sụt rất nhiều vì một phần lớn trữ kim đó là bằng đồng 5 francs.

Kết cục chính sách lương kim quốc tế, vì những trở ngại trên đây, chỉ ở trong vòng thuyết-lý. Dầu sao, ở một nước như nước Pháp, vì người ta không muốn theo hẳn kim-bản-vị-chế, đồng thời người ta cũng không thể theo được lương-kim-chế, vì những trở ngại của nó (1), người ta thành ra phải tìm một chính-sách trung gian mà ta xét đến sau đây.

B — Chính sách lương-kim trung-gian

Chính-sách này không phải do một sự say-dùng thuyết-lý sinh ra mà là kết quả của những sự sửa đổi dần dần theo kinh nghiệm và tây tăng trường-hợp. Cho nên ở đây ta cần phải phác qua lại lịch-sử của những việc bất-khay-tiết liên tiếp đó, mỗi việc dựa vào một thực trạng nhất thời.

Khởi điểm là đạo luật ngày 7 Germiné năm XI (2) thiết lập lương-kim-chế hoàn toàn với những đặc-điểm của nó : hiệu lực miễn trái vô-hạn và quyền đưa ra đó cho cả vàng lẫn bạc, tỉ giá pháp-định giữa vàng và bạc là 1-15,5

Dưới thời Đế-nhi Đế-chính vì người ta tìm ra những mỏ vàng rất giàu ở *Californie* và ở *Australie* (Úc-đại-lợi) cho nên giá vàng trong thế-trường bị sụt và do đó có sự chênh lệch giữa tỉ giá pháp-định và tỉ giá thị-trường. Vào khoảng tam cá nguyệt thứ ba năm 1859 tỉ giá thị-trường là 4-15,03 chứ không phải 4-15,5. Sự chênh lệch đó đã làm ngang trở chính sách lương kim Pháp do sự giá tiền ngoại quốc và nạn đầu cơ (3). Nhưng ở đây ngược lại trường hợp đã nói ở trên, không phải tiền vàng mà là tiền bạc chạy ra ngoại-quốc vì trong trường hợp này, tiền vàng lại là tiền bị sụt giá tức là tiền xấu.

Sự đầu cơ bây giờ rất mạnh một phần lớn do những nhà ngân hàng Anh gây nên. Là vì hồi đó nước Anh phải giả nợ Ấn-độ nhiều, thế mà Ấn-độ lại chỉ nhận nợ bằng bạc. Các nhà ngân hàng Anh liền nghĩ ra một phương kế lợi này : thí dụ họ có một kilo vàng, nếu đổi ở thị trường *Londres* thì họ chỉ được 15,03 kilo bạc ; họ liền gửi kilo vàng đó sang Sở Tiền-tệ Pháp xin mua thành tiền và lại đổi luôn tiền vàng ở đó lấy tiền bạc và được một số tiền tương đương với 15,5 kilo bạc mang về, vì tỉ giá pháp-định ở đó là 4-15,5. Như vậy là cứ mỗi kilo vàng họ được lời gần nửa kilo bạc.

Vì sự đầu cơ đó mà hàng 2 ngàn triệu đồng tiền bằng bạc biến mất trên trường giao dịch Pháp và công chúng Pháp rất lấy làm bất bình trước sự khan thiếu những đồng bạc 5 francs 2 frs, 1 fr, 0 fr. 50 và 0 fr. 20 cần thiết cho những việc tiêu pha hàng ngày.

Những yêu sách háng hái của công chúng khiến cho các nhà cầm quyền phải can thiệp ở Pháp cũng như ở những nước lân bang cũng theo lương kim chế. Bấy nước, Pháp, Ý, Thụy-sĩ và Bỉ, thoả thuận ký một bản hiệp ước ngày 23 Décembre 1865 và hợp thành một khối gọi là *Liên-minh tiền-tệ ta-tinh* (*Union monétaire latine*). Họ đồng lòng hạ tuổi các đồng tiền bằng bạc từ 0,900 xuống 0,835 như vậy tiền bạc hóa ra tiền xấu và thực giá của nó kém hẳn mệnh (*Xem tiếp trang 21*)

ĐI KỊCH CỦA TẢO NGU
ĐẶNG THÁI HAI dịch

(Tiếp theo)

Phượng — (thở thanh) Kia! bà!

Phản ý — Ấy! đi đâu vội thế, ngoài kia sớm
sét đang dưng kia kia!

Bình (bảo Phồn y) Một mình đứng ngoài kia nghe trộm chuyện người ta, là nghĩa lý gì?

Phản ý — Ấy! không phải một mình bên người
nữa kia! (gọi vào phía hướng dẫn) Ra đây sen!

(Xung đi từ phía buồng ăn đi ra, bước
ngập ngừng)

Phượng — (sợ hãi) Kia anh Kai!

Xung - (về đây này) Phương!

Đinh — (buồn bã hỏi em) Em Xung, sao em cũng vô vẫn như vậy?

Xung — Mẹ gọi em đây chứ, em có biết gì đâu

Phồn y (lạnh lùng) Đây, bảy giờ: mày biết rồi đấy!

Bình — (nồng mặt bảo Phần Y) Mọi định làm trò gì mới được chứ.

Phần Y — (mĩa mắt) Làm gì đâu, cho em
 anh lại tiền hành anh nó đây thôi!

Binh. — (lực tối) Đệ tiện đến thế là cùng !

Xung — Kia ! ann !

Bình — Anh xin lỗi em... (nhìn vào mặt Phấn y) Nhưng thật trên đời này, không có một bà mẹ nào như thứ người ấy!

Xung (ngờ ngẩn) Mợ, việc gì thế này ?

Phồn y — Này nhìn lấy đây thì biết (hỏi Phương) Phương, định đi đâu kia?

Phượng (ấp ứng) Con... con....

Bình — Không cần dấu điểm nữa rồi! Cả nói cho người ta biết, cả viết ra nói cho người ta biết rằng chúng mình sẽ cùng nhau đi!

Xung — Thế nào Phương, Phương định đi cùng anh cả ư?

Phượng — Vâng, anh Hải à, tôi, tôi đã ..

Xung — Thế sao Phụng không cho tôi biết?

Phượng — Không phải tôi đâu anh. Tôi đã nói càng anh rồi chứ, tôi đã bảo anh đừng đeo đẳng (ủng) tôi vì rằng, tôi... tôi không phải là một người con gái tử tế nữa.

Bình — (Bảo Phương). Tôi gì mà Phương
 tại bảo Phương là không từ từ? Nói vào mặt,
 chúng nó cho chúng nó nghe! (Chỉ vào Phàm Y)
 Nói cho chúng nó biết rằng Phương sẽ lấy tôi

Xung — Phụng ơi, thè la Phụng...

Phần E - (Bảo Xung) Đây, bây giờ mày
biết rõ sự tình rồi đấy (Xung cúi đầu):

Bình — (Bảo Phồn Y) Bà thật là một người đàn bà không có một tí gì là tâm can! Bà tính là con bà sẽ vì bà mà... đi phá đám chúng tôi eh! (Bảo Xung) Em Xung, em nói đi, em nghĩ thế nào, em cứ nói cho anh nghe. em làm gì, em nói đi, anh sẽ không trách em bao giờ.

(Xung nhin Phồn Y, lại nhin Phụng ròi
cúi đầu).

Phần V — Kia thằng Xung, nầy noi đi chứ ! Sao mày không nói một câu gì cả, hở Xung ? Sao mày không niu chặt lại con Phượng ? Sao mày không niu chặt lấy anh mày mà noi anh way nghe ?

(Mọi người nhìn Xung, Xung chỉ đứng im). Xung, nói đi con! Máy thế nào kia? Máy chết hay máy còn sống? Hay là máy câm, máy si rồi? Máy thấy người ta cướp người yêu của máy, người ta đưa đi, máy cũng không nóng lòng sốt ruột tí nào u?

Xung — (Ngẩng đầu lên) Không, không
dân, ư? (Nhìn Phụng, cất xuống). Cái
ấy là chỉ tùy lòng Phụng, tôi không nói gì biết.

Bình — (Đi tới gần Xung, cầm tay Xung)
A ! Em Xung, em thật là yêu anh hết sức, tâm
hồn em bao giờ cũng trong sạch, sáng suốt.

Xung — Không, không! Phải giờ đây, tôi
bỗng dưng biết rằng... tôi Lừa... Hana kia
hình như tôi lừa dối... (thì thầm yêu Phương...) Lừa

ngay chẳng qua tôi,... tôi.... tôi nói nhảm mà thôi.

Bình — Nhưng, em Xung ạ...

Xung — Không. Anh đem Phượng cũng đi đi thôi, em chỉ mong anh bao giờ cũng sẽ rất tử tế đối với Phượng.

Phồn Y — A! thứ mày, Thứ mày nữa! Mày không phải là con tao, mày không giống tao một chút nào cả, Xung ạ! Mày chỉ là con lợn chết...

Xung — Kia, mẹ ơi!

Bình — Mẹ nói cái gì thế?

Phồn Y — (Mê mẩn) Mày không có một tí gì là chí khí làm trai hết! Tao mà là mày ấy, thì tao sẽ đánh nó, sẽ thui nó, sẽ giết nó đi! Mày thiệt là thứ sâu bọ ngu si, không có một tí gì là khí làm trai hết. Mày vẫn là con của bà mày nuôi nấng, mày chỉ là con cừu của bà mày. Tao lắm, tao đã... làm mày... Mày không phải là tao sinh ra, mày không phải là con tao!

Bình — Không phải chính mẹ đẻ ra em Xung sao, mà mẹ lại nỡ đi nói như vậy?

Phồn Y — Này, Bình, Bình nói đi, Bình nói trắng ngay ra, tôi không sợ tí nào hết! Bình bảo cho nó biết là lâu nay tôi không phải là mẹ nó nữa rồi.

Xung — Mẹ, sao thế hở mẹ?

Phồn Y — Từ ngày mẹ gọi nó lên cùng mẹ trên này là mẹ đã quên hết đời người của mẹ rồi! Thôi, mày đừng nhận mẹ là mẹ nữa, mẹ mày chết những bao giờ rồi kia, mẹ mày đã bị bà mày đẩy vào chết, chết từ những bao giờ rồi kia! Bây giờ mẹ không phải là mẹ mày nữa! Mẹ là một người đàn bà vừa mới sống lại sau khi gặp Bình, mẹ cũng là một người đàn bà cần được có người thiết tình yêu mình, cần sống được một cách thực thà, tự do!

Xung — (Đau đớn) Giờ ơi, mẹ, mẹ ơi!

Bình — (Nhìn Xung) Bà ấy lại điên rồi, lại dở người rồi (Bảo Phồn Y) Thôi mẹ lên gác đi nghỉ đi, mẹ cần phải nghỉ mới được!

Phồn Y — Nói nhảm! Tôi không đau, gì hết! Tôi muốn biết ở đâu bệnh viện kịnh tí nào! Các

người đừng cho là tôi nói điên rồi... (Gạt nước mắt) Tôi chịu đau khổ đã mấy năm trời nay rồi, trong cái nhà giết người này, trong gian nhà kín của nhà ông Chu Phác Viên này, tôi hầu một ông Diêm Vương đã mười tám năm trời rồi. Mặc dầu, quả tim tôi vẫn chưa chết hẳn ông ấy chỉ trông sao cho tôi sinh ra bằng Xung nhưng lòng tôi, đời người tôi vẫn là của tôi chứ (chỉ vào Bình) Chỉ có một mình nó là nó thể yêu một người như tôi, nhưng bây giờ nó không yêu, nó không nghĩ gì đến tôi nữa.

Xung — Mẹ ơi, mẹ yêu miễn của con ơi, làm sao thế này hở mẹ?

Bình — Em đừng vậy, kệ bà ấy: lại lên con điên rồi đấy!

Phồn Y — Thôi anh đừng học giọng nói bà anh nữa. Không điên!... tôi không điên bao giờ! Tôi muốn Bình nói đi, tôi xin Bình nói ra cho mọi người rõ..... Đây là hồi thế cuối cùng của tôi rồi.

Bình — Mẹ bảo tôi nói gì? Tôi xem chừng mẹ nên lên gác đi nghỉ là hơn.

Phồn Y — (cười nhạt) Thôi Bình đừng vội nữa, Bình cứ nói trắng ra cho mọi người biết, biết rằng tôi không phải là kẻ mẫu Bình....

(Mọi người đều tỏ vẻ lạ lùng, kinh sợ).

Xung — Mẹ ơi!

Phồn Y — Nói đi, nói nhanh đi cho mọi người biết, nói cùng con Phượng. Bảo nó đi!

Phượng — Ôi ơi! (chạy vào lòng Thị Bình)

Bình — (nhìn Xung rồi nhìn Phồn Y) Sao mà lại khổ sở thế này! Việc những ngày nào, còn nhắc lại làm gì để cho suốt đời em Xung phải đau đớn?

Phồn Y — (la to) Tôi không có con, tôi cũng không có chồng, tôi cũng có gia đình, không có một tí gì hết, tôi chỉ mong Bình nói ra một tiếng, nói rằng tôi là người... của Bình.

Bình — (khẽ nào) Kia em, Xung đấy kia! Thì mẹ cũng nên nhìn thấy em nó khổ sở thế nào, ít nữa (tíng có một chút tình mẹ con chứ!

(Xem tiếp trang 26)

HỌC LẤY VÀ HỌC Ở NHÀ TRƯỜNG

ĐINH GIA TRINH

Trừ ở địa hạt của một vài ngành mỹ thuật cần đến những phát biểu đột ngột và hầu như hẫ, hữ của thiên tài và những năng khiếu đặc biệt (như thi nghệ, nhạc nghệ), thì học vấn tối cần cho tất cả những người tư tưởng và muốn cầm bút, ở bất cứ lĩnh vực nào. Luyện tập và giáo hóa mình để đạt tới thông hiểu sáng láng trước khi tư sức mình dẻo dăng, dẻo dăng, đi khai những nguồn mới.

Những thế nào là có học? Người ta có thể hoặc học ở nhà trường, hoặc học lấy. Phương tiện không cần lắm, chỉ cần kết quả. Học thầy giáo, hoặc học lấy một mình bởi sự sống năng đọc sách, miễn là đạt tới học thức là được rồi.

Đa số người học thức thường được hấp thụ cái học ở nhà trường, chẳng nhiều thì ít, hay nói rộng ra, cái học của một ông thầy ban cho. Cho nên « học lấy » thì có nghĩa là: thoát ly thầy học sớm hơn đa số. Đã có một ít kiến thức đại cương, tự mình học lấy triết học, khoa học, văn chương, không cần theo sự giảng dẫn tuần tự của một ông thầy, trong một lớp học. Người học lấy (autodidacte) khác với người đã qua hết bậc tiểu học và cao của học vấn ở học đường, tuy người này cũng cần phải học lấy nhiều sau khi đã từ giả nhà trường để đạt tới thực học thức. Rousseau là thí dụ một nhà tư tưởng học lấy đã viết nên quyển Contrat social (Xã hội khế ước). Anatole France đã tích lũy sự thông thái vô số ký là mã trong những ngày cần cù ở thư viện và đọc những cuốn sách lượm được trên bờ sông Seine. Nhà trường đối với hai nhà văn Pháp ấy chỉ có một ảnh hưởng không đáng kể.

Người ta ai cũng cần học lấy, dù cả những người đã đạt cao. Có một cách biệt xa lắm giữa một ông tiến sĩ, thực sĩ văn học, khoa học, mãi nguyện với cái bằng cấp của họ, hoặc tiến môn đời họ trông một nghề nghiệp không dùng đến kiến thức của họ, không bắt buộc họ phải luôn luôn bồi bổ những chất mới cho trí não, với một người cũng là khoa bảng, luôn luôn tìm hiểu, tìm biết thêm, khảo cứu không ngừng. Lời trách

của người yêu thơ bảo chúng ta không ham học để mà học và hiểu biết đến sự hy sinh triệt để cho một công việc tư tưởng, cũng có phần đúng sự thực. Đã có một học giả gần đây cảnh tượng xã hội ta thực như thế này: những người có bằng cấp ung dung bề vệ trong địa vị của họ, ở ngoài vòng cương tỏa của sách vở, còn ở các thư viện thì các cậu học trò học thi cho đỡ tốn sách và ở các căn nhà hỗn độn, một số văn sĩ nghèo nàn gò ép trí não rỗng tuếch của họ để cấu tạo một cái gì in được.

Vậy thì « học » tức là một phần « tìm kiếm lấy », bất cứ một người nào. Nhưng người học lấy khi đã lập thu được một giáo dục chắc hẳn ở học đường thường có may mắn hơn người hoàn toàn học lấy, hoặc bỏ nhà trường sớm quá, tự mình hướng dẫn sự học của mình. Học đường là một sáng kiến của xã hội. Sự giáo dục ở học đường đã được sửa soạn theo kinh nghiệm của xã hội và dựa vào một phương pháp. Có những nhà triết học mất hết cái học ở nhà trường trong một trình thái xã hội này hoặc ở một giai đoạn lịch sử đó. Khi học đường dùng làm một lợi khí chính trị hoặc tôn giáo một cách triệt để, hoặc khi nó làm tổn hại mãi những cái hư bại sai lầm của dĩ vãng, thì họ đáng sợ và đáng ghét thực. Nhưng ở thế kỷ này những sự trạng đó xảy ra rất ít. Nhà trường không thể dễ nên trí thức người ta một cách có hiệu quả nữa. Cho nên cái học nhận ở nhà trường, nếu người ta biết dùng nó, nó sẽ có một giá trị hướng dẫn rất quý. Mục đích nó là làm cho người học trò hiểu từ cái dễ đến cái khó, đi từ những nguyên tắc đến các lý thuyết và chân lý phức tạp. Nếu nó không bị một quyền lực gò ép nó vào tinh thần thiên lệch, thì nó sẽ có công hiệu là khiến trí ta mở rộng ra mọi chân trời, cho ta nom, và bé nom thấy những biên giới bất quá của cõi học. Học đường sẽ cho ta biết được các bộ mặt chính của tư tưởng. Ta sẽ thấy các thuyết lý chôn tọt nhau. Ta sẽ thấy (mượn lời của René Gillotin trong một quyển nói về triết học của Henri Bergson) nổi lên thuyết thắng trong khi bỏ hai các ức thuyết khác, qua

bại dưới những bác luận tấn công của chính những
về thuyết khác đó. Tập quán trí thức gây bởi thói ưa
so sánh, phê bình, sẽ khiến óc ta không ngại hoài nghi
Hoài nghi để khỏi bị rơi vào những mẫu vi tu
tướng bất di dịch, để cho trí thức tự do phát triển, để
có độ lượng hiểu người, có óc thông quan trông thấy
toàn thể sự vật luôn luôn biến đổi. Thấy các học thuyết
phản nhau, hủy nhau, theo nhau tàn rụi hoặc biến
cải, ta sẽ bớt đọc đần trong phê phán, hấp tấp trong
suy nghĩ. Có lẽ thái độ tinh thần ấy đưa đến chủ nghĩa
thần thiện cốt rêu với tất cả các lý thuyết và tư tưởng
(dilettantisme), và có thể khiến người ta do dự trong
lập luận và không tạo nên một cái gì tích cực. Nhưng
những óc khỏe mạnh rất dễ tránh thái độ tinh thần và
do hoài nghi sẽ biến tư tưởng của ta và hoạt động
của ta thông minh và không nòng nidi.

Người ta sẽ bảo: học lấy cũng có thể đạt tới tinh thần
ấy. Có thể, nhưng rất hiếm. Cái học ở nhà trường muốn
đề này nở những hoa quý, cũng cần phải gặp một
khối óc tốt. Những kẻ hoàn toàn thụ động, không có
nhân cách đặc biệt sẽ chỉ luôn luôn đắm chìm trong
thời bất chấp và nói theo. Suốt đời họ sẽ mang óc
học trò (theo cái nghĩa không hay của nó). Trái lại có
những người tự học, tham khảo nhiều sách vở, mài
rũa trí thức họ vào rất nhiều tư tưởng, cũng sẽ hái
được những quả tốt. Nhưng người học lấy ở xã ta
phần nhiều ở trường hợp sau này: họ muốn bước chân
vào một môn học nào đó, họ tìm sách đọc. Thiếu sự
hướng dẫn, không phân biệt được ngay lúc đầu học
thuyết nào là chính thống, là cổ điển, học thuyết nào
là cơ bản, học thuyết nào là những xây dựng phóng
túng lãng mạn, họ nắm lấy quyển sách tình cờ rơi
vào tay họ đầu tiên. Họ đọc, họ thấy hay và ham thích,
trông châu lý ở đó, phương pháp ở đó, cảm tình dần
tiên là một điều quan trọng trong học thuật. Nó có thể
định đoạt con đường đi của trí thức ta. Từ như tôn
giáo mà ta tập tin ngưỡng từ thuở nhỏ, lúc cảm tình
mạnh hơn lý trí, sẽ khiến ta yêu nó mãi mãi, thiết tha
và bướng bỉnh.

Quyển sách đọc đầu tiên đó sẽ gọi những quyển sách
khác cùng một loại, và nếu người học lấy không minh
mẫn thì chẳng bao lâu một nếp tư tưởng sẽ thành.
Người đó sẽ chỉ biết một học thuyết, không nghe những
tiếng phản kháng nữa, không tìm nghe, hoặc không
ưa nghe. Dù người đó có đọc nhiều sách khác loại nữa
dù không quan niệm được mối tương quan giữa các
lý thuyết khác nhau, và không tôn được toàn thể sự
trạng của tư tưởng, người ấy sẽ chấp cuộc dự ngoại
vào các cảnh trí mới mà lại quay về với tác phẩm đầu
tiên của họ. Quyển sách đầu tiên đã cảm dỗ họ, vì họ
không có cái mục đích của người đã học theo

phương pháp, để điều kiện để kiểm điểm khách quan
mọi tư tưởng khác, ngăn chống sức xâm chiếm phủ
phàng của chúng. Ấy là nói về người học lấy siêng
nặng và có chí. Có người học lấy chỉ đọc một cuốn sách
đầu tiên ấy thôi: thế là họ tưởng đã hiểu triết học,
loạt học, kinh tế học rồi! Một quyển sách của Durkheim,
của Tarde đã làm họ thành nhà xã hội học, cũng như
Charles Gide làm họ trở nên kinh tế gia. Có người cả
gan nên quyển « Le rire » làm tác phẩm kiểu mẫu của
Bergson! Kiến thức của những người này không phải
chỉ là thiên lệch, thiếu sót, nó nông cạn và ngổ ngứ.

Cho nên một số người học lấy ở xã ta đã có những
tật xấu này: kiêu căng và thông thái hợm. Kiêu căng
bởi họ tưởng họ đã nắm được một thứ chân lý của vũ
trụ trong tay. Hay khoe khoang, dẫn văn, dẫn sách ở
những địa hạt ngoài sở trường của họ để ra dáng
một người học rộng.

Cho nên chỉ những óc đặc biệt mới dễ hái những
quả tốt trong sự tự học. Nhà trường rèn luyện hàng
ngày những óc hỗn độn đủ các loại. Kẻ tầm thường
từ ghế nhà trường vẫn chỉ là một người học trò. Nhảy
tải thoát khỏi nhà trường sẽ rộng cánh bay bổng,
biết phương hướng mà đi, có đủ lương ăn để dự liệu
trong thế giới tư tưởng.

ĐINH GIA TRINH

MỚI XUẤT BẢN

KINH DỊCH

MỘT BỘ SÁCH (cổ nhất Đông phương
lạ nhất nhân loại)

Toàn bộ 8 cuốn dày ngót 2000 trang

*

Giấy thường, 30\$00

Giấy dó, hộp tựa 75\$00

Giấy bạch-minh-châu, hộp gấm (hết) . 200\$00

(Giá gửi 5\$00)

Thư và ngân phiếu xin gửi
NHÀ IN MẠI LĨNH HÀ NỘI

Mình-mang thập điều

TRƯƠNG CHÁNH

(Tiếp theo)

1.) Một điều là dạy làm vậy
Đón nhưn luận gọi nên dạy đạo ta
Đạo người lại có chí qua
Trước nên rõ biết nắm ba lẽ này
Vua tôi phải có nghĩa dầy
Cha con thân lăm khuyên mảy thương hơn
Vợ chồng có biết chừa chan
Anh em có thứ, bạn đoàn có tin
Đứng người năm lý lớn lên
Đứng người đã rõ mới nên đạo người
Ngài nguyên khắp hết chúng người
Đạo người đến biết hậu hoai làm hay
Làm quan vưng phép noi ngay
Hết lòng làm việc sức này liếc chi
Kể làm lại các nhà tào
Chứa gian chữ nghĩa tuồng phao phép lễ
Chưa ăn thắm của dân lệ
Ngày đêm siêng chính chẳng lìa việc công
Còn như đạo ở thủy đồng
Thờ thần thảo kính vợ chồng hòa nhau
Anh em thương lăm tranh đua
Bạn bè tin thiết chẳng màu đối khinh
Khả nghe lời sách trong kinh
Người hiền giữ đạo ắt mình tốt lành
Chúng người thiết ở như cầu
Đạo thường đã định phước sau lại dành
Nước nhà lâu dặng trị bình
Rõ thay phải vậy để danh không cùng
2.) Hai điều là sử chước lòng
Chánh làm thuật ứng nghĩa thông làm vậy
Vả lòng là cội người vì
Dung theo nguyên rạch bóng tây cây ngay
Lòng ngay muốn lối chước bày
Mịch sanh trăm dữ hà mảy nên thay
Vì Hoàng Thượng-Đế là trời
Cho lòng dân dưới há sai tạnh thượng
Nhân, nghĩa, lễ, trí, rõ ràng
Mọi sanh ai cũng bốn đường đủ sanh
Ngài nguyên trăm họ vẹn mình
Ít lòng lành thường giữ, tánh lành thường trao

Nghiep lưai tuy có bậc nhân
Vì lành cũng một khác đấng chẳng vậy
Kẻ giàu thì chớ phí xe (ra)
Kẻ nghèo thì cũng chớ hề dối gian
Chớ theo điều lợi nên man
Chớ sa những thói gian ngoan dữ dằn
Một lời dằn chẳng thẳng bằng,
Nết làm một việc dầu chẳng dặng lành
Mình đã biết hồ hang mình
Lòng ăn năn lăm mình đành củi đi
Chữ sanh phải muốn lệnh nghi
Đồ biền dẹp giữ đều về chúng ngay
Bằng chẳng răn xẻi lăm ngay
Ít điều như thái là tấy đều làm
Mang hình mới nghệ tạo kham
Vị như cần sạn chính cam khôn gầu
Thơ rằng: theo thuận lành thân
Nghịch thời mang dữ ưnq thần bồng bang
Lòng ngài nuôi dạy dân nhân
Muốn xem nên đức thường than mố hình
Chúng người bằng muốn giữ sanh
Mình nên ngắm nghi lấy mình mới nên
3.) Ba điều giữ nghiệp cho chuyên
Trời sanh dân thấy phú riêng nghiệp làm
Người đều sẵn nghiệp bảo kham
Dụng mình lấy đó chuyên ham bốn này
Học-trò, làm ruộng, thợ, thầy,
Bàn buôn, vườn tược, lưới chài trầu nại
Dầu mà linh trượng đội cai
Đều nhờ có nghiệp dể mới sống mình
Sánh năng nghiệp ầy mới thành
Bằng mà trễ nải nghiệp đành bỏ đi
Bằng chuyên gắng sức nghiệp chi
Kể răn sao cũng có khi dặng thành
Học trò trau nết sạch mình
Học nhiều nghe khắp quyết dành đến nên
Thơ rằng: nghiệp rộng tại siêng
Chúng người phải gắng cho kỉnh nơi hay,
4.) Bốn điều thượng liết kiếm này
Nghĩa rằng dùng của chuộng hay rơn chẳng

Và sanh của vốn có ngần
 Sanh nhiên ăn ít làm ăn dùng từ
 Vậy thì của lương đủ thừa
 Thanh nhàn ăn từ luân vừa trước mình.
 Thọ năm Minh-Mệnh thừa bình
 Dân gian xa-xỉ tục tình chuộng theo
 Vắc dùng quá đót tốt nhiều
 Khuyết mới qua lại phải nhiều phí nhãng
 Lại thêm cúng Phật thờ Thần
 Một dân tiên tế tình dân ngàn trăm
 Lắm thay đoàn đại tối tăm
 Mê mang nha phiến lung lăm rượu cờ
 Rồi đen nát của chẳng dư
 Làm hoang mất tội lòng thừa thường dân
 Chúng người vàng dạy cho thần
 Sửa mình nhà lấy kiếm cần làm khôn
 Mặc ăn chớ quá tốt ngon
 Ở dùng bền thật, lễ chôn phải thường
 Còn như đưa đại quân hoang
 Lắm ăn nhà phiến rượu quảng đánh thua
 Đều mau quyết bỏ quyết xô
 Thơ rằng : chớ kiếm chình lo lâu dài
 Chúng người ở dạng như lời
 Hiện gian thời kiếm đều nơi mỹ miều
 5) Hậu phong tục ấy năm điều
 Rằng rơng thói tục nên theo hậu hiền
 Hễ cùng nhà nước chẳng hèn
 Thói thuần tục tốt hình bền rất không
 Giác (?) bình cũng xếp chẳng dùng
 Chung trong bốn bề ngoại-không (1) thái bình
 Ngai nguyện ai nấy làm lành
 Coi nhau bat chước đền thành đạo khôn
 Có ân ý ái bà con
 Có tin thuận-dãi xã thôn thuận cùng
 Hòa trên dưới lấy khiêm cung
 Giàu không lấn khố mạnh không lấn hèn
 Cùng nhau thường giữ thương liên
 Gặp khi có việc chớ quên giúp bù
 Chớ cư thù giận tranh đua
 Chớ ham kiện cáo bỏ lo việc vụng
 Giữ trang cùng đẹp trộm gian
 Giấu chi trốn tránh mà can tội chuyền
 Có lòng liêm then ngợ tin
 Không làm những thói rồi ren hiềm nghèo
 Học trò học ít biết nhiều
 Ở lòng thuần hậu gìn điều lặng an

1) Ngoại-không = Khen ngợi.

DANH VĂN NGOẠI QUỐC

CON GA

NGUYỄN VĂN CÚ ANATOLE FRANCE

Cầm-thạch LÊ ĐOÀN VỸ dịch

Ngày bảy giờ Lan cũng chưa biết đi tìm cái đẹp, thế mà hồi mới được bà thàng, hai mươi ngày, nó đã đi tìm cái đẹp một cách hăng-hái và cũng . . .

Chúng tôi ngồi trong buồng ăn Phòng này có vẻ cổ-kính vì trên giá bày toàn những lọ sành, đĩa sứ, lo thiếc với chai thủy-tinh của Me Lan vốn sinh trưởng ở Paris và thên hơi đồ cổ nên trời trang hoang nhà cửa như vậy. Những lúc Lan mặc áo trắng thêu, ngồi ở bệ ông ăn thì trông nó có vẻ tươi-tinh lắm. Ai thấy nó ở đây cũng phải bảo : « Cả giòng phởn, chỉ có con bé này là mới thoát, còn cái gì cũng là đồ cổ ».

Lúc ấy mới sáng sớm. Trời một màu sạm-sạm. Giây-bím bím leo lắt với cánh nhò quanh cửa sổ, hoa nở chi-chít như sao sa. Chúng tôi ngồi bàn chuyện ăn-và, như lời các người ngời rồi Phêrô có chuyện gì mà nói. Tôi cảm thấy thời kỳ trời qua như một cơn sóng yên lặng và mỗi tiếng nói ra là một hòn sỏi ném xuống giòng sông thời gian vậy. Tôi nhớ hình như chúng tôi đang nói chuyện đến mắt Lan thì phải. Nói đến mắt Lan mỗi gì thì không bao giờ hết chuyện được

- Mắt nó biêng-biếc như đũa Hoa Kỳ !
- Mắt nó vàng-vàng như (cặp) hài hãnh
- Mắt nó có tia xanh xanh !
- Ủ ! Mắt nó là thật !

Đường nói thế, thì u già bế Lan vào : lần này thì mắt Lan như màu thời gian nghĩa là sạm sạm, đẹp tuyệt. . . .

U già bế Lan là một cụ nhà-quê mới ở làng ra. Ở nhà cụ nuôi bảy tám đứa con, và suốt ngày chỉ có một việc nghề ngao hát. Có một hôm người ta cho cụ ra Paris chơi. Lúc trở về, cụ ngạc-nhiên vô kể vì cụ thấy ở Paris người ta bán nhiều củ cải đỏ, to đẹp lạ thường. Những cái khác thì không phải là xấu, nhưng chỉ có củ cải đỏ là lạ thôi : ấy là chính lời cụ viết thư về nhà kể chuyện thế. Tính cụ chốt phác như vậy nên hợp với Lan lắm vì Lan thì khắp trong vũ trụ này, chỉ biết có chai với lo mà thôi.

Lúc cụ Lan vào thì phòng ăn trở nên vui vẻ ngày. Ai cũng cười với Lan và Lan cười đáp lại : ấy gần nhau thì bao giờ cũng có cách vắn, thông với nhau được. Mẹ Lan giờ tay ra đơn con, cánh tay áo ngủ tụt xuống vai, đúng vẻ uể-oai của dân bà những buổi sáng hè. Lan cũng giờ tay, rồi xòe bàn tay ra, chúng tôi trông chừng như trông thấy năm tia sáng hồng ở đầu tay áo chiếu ra vậy. Mẹ nó vui vẻ bế nó vào lòng. Cả ba người chúng, tôi cảm thấy sung-sướng vô cùng : có lẽ vì lúc ấy chúng tôi chẳng hề nghĩ đến gì cả. Phút êm đềm ấy không được bao lâu, Lan cúi xuống bàn, mắt mở tròn xoe, hai tay vụng vụng. Trông mắt nó như

(Xem tiếp trang sau)

Cây thì chớ vượt lẩn ngang
 Chớ ngẩn nước rộng mà lo sợ hai người
 Thơ buồn khùng chỗ ham lời
 Gianh nhau với rẻ lột tươi đất hàng
 Thơ rằng : những chúng dân thường
 Không làm phe vạy, không nương loài ta
 Ở này ai nấy nghiệm qua
 Phải trừ thói học đòi ra lực lành
 Trên hoài chung phúc hòa bình
 Đến điều cả thuận thấy linh gáng thay.
 6) Sáu điều huấn tử đệ này
 Là con em đại lại hay dạy kèm
 Người đầu làm trực con em
 Cha anh thầy lớn sau thêm làm con
 Bằng nay đạo trẻ chưa từng
 Ngày sau (to) lớn ắt hẳn chẳng nên
 Nên xưa dạy xuống mà lên
 Hiện sau làmặng những quyền cha anh
 Nên xưa thương bấy trẻ xanh
 Dạy chung đường nghĩa chẳng đánh để xiêu
 Nay ngài nguyễn kể vai trên
 Với con em phải có tiếng dạn dõ
 Gặp đến giữ tánh trời cho
 Nghiệp chi giữ nấy đời mô cũng truyền
 Chớ cho chơi nhác chẳng siêng
 Chớ cho cờ bạc say điên rượu trà
 Chớ cho kết với người tà
 Chớ cho tập chượng đũa-xu-mi này
 Làm thời thảo thuận siêng cày
 Lòng gìn lễ nghĩa liêm ngay then thôn
 San thời thuần lắm lòng son
 Ngày ngày càng lời chừng rong điều lành
 Kể hơn tài đức đáng hành
 Làm nên công việc rạng vinh cửa nhà
 Kể vừa cũng đáng thiết tha
 Làm tên dân phải nghiệp ta từ truyền
 Chừng công thường đưa dạy khuyên
 Há chẳng chẳng lớn chẳng lên vậy vạy
 Và chẳng con trẻ cháu ngày
 Thành nhơn chớ ắt sửa tui đời khi
 Chừ con em sách thiếu nghi
 Là người quân tử nghiệm bề dạy răn
 Lại như thầy Mạnh có rằng :
 Ở an không dạy thôi gần muôn chim
 Bao nhiêu lời sách răn-nham
 Chúng người chớ khà chẳng chằm lời này.

(Còn tiếp)

TRƯƠNG CHÁNH sao lục

MINH MẠNG THẬP ĐIỀU

CON GÀ

(Tiếp theo trang trên)

ngạc-nhiên, như kinh-phục, vẩy trên nét mặt, ngáy-ngó khả-k'nh của nó, tôi thấy thoáng qua như một vẻ gì thản bi lạ thường. Lan bỗng kêu hét lên một tiếng như con chim bị thương vậy.

— Thôi chết! Kim băng đâm phải nó rồi!

Mẹ nó mọy sao vẫn để tâm đến những sự thiết thực ở đời nên kêu lên như vậy, vì hàng kim băng hồng mao nó tuột ra mà không ai biết mà Lan lại có những tấm cái kim băng gài trên mình!

Nhưng không: Không có cái kim băng nào đâm phải Lan cả. Vậy thì là vì yếu cái đẹp rồi!

— Một ba tháng mà đã yếu cái đẹp!

— Mọy thử xem: Ở trong lòng mọy, nó xả xuống, vung vẩy năm tay, rồi náo bô, náo thổ hồn hên, vừa sặc vừa chảy rãi, nó bỏ lại để hơ cái đĩa. Người thợ gốm ở Strasbourg về trên cái đĩa ấy một con gà đỏ. Lan muốn lấy con gà, mà không phải là lấy để ăn, vậy chắc chắn là vì Lan thấy nó đẹp rồi!

Thấy tôi lý luận như vậy thì mẹ nó đáp:

— Rõ khéo! Nếu nó lấy được con gà ấy, thì nó nhét vào mồm nó ngay, chứ có ngẫm mà ngắm đâu: Các xứ sĩ thật chửa là gàn!

Tôi đáp:

— Đúng thế, nó sẽ cho vào mồm ngay. Như thế, ta lại biết rằng năng lực của nó đã nảy nở nhiều và thấy đều lấy cái mồm làm cơ quan chính. Nó luyện cái mồm trước rồi mới luyện cái mắt sau, và à thế mà phải lắm! Bây giờ mồm nó luyện đã tinh vì rõ nên nó dùng mồm làm cơ quan đặc-nhất để hiểu biết sự vật. Mà nó dùng vậy là khôn đấy chứ!... Mọy phải biết rằng con gái mọy là thuần trí, thuần năng đấy. Phải! Nó mà lấy được con gà thì nó sẽ nhét vào mồm ngay ~~nhưng~~ nó nhét vào mồm vì con gà

đây là một cái đẹp chứ không phải là một thứ đồ ăn.

Các ý-tưởng ấy, giá-lời đem diễn-giải bằng một lối-ngắt ngoéo thì chắc các nhà triết học sẽ công nhận là đúng ngay. Trong khi tôi hỏi vậy thì Lan hăm tay đâm vào cái đĩa, lấy móng tay mà cào; rồi lại nói chuyện với cái đĩa bằng một thứ tiếng bi-bô, bi hiêm đần hay, đoạn lại cầm cái đĩa mà lật đi lật lại mãi.

Chân tay Lan vẫn chưa lấy gì làm khéo léo nên nó cử-động còn sai nhiều. Nhưng mà nhất cử, nhất động, dù dẫn-dị đến đâu chẳng nữa cũng là việc khó, vì chưa quen thì chưa làm nổi. Mà các ngài thử nghĩ xem, mới được ba tháng hai mươi ngày thì đã quen làm sao được. Cự giờ ngón tay út lên thôi, các ngài cũng đủ biết là ta phải sai-khiến bao nhiêu gân-cột mới làm nổi đấy! Giật giây múa rồi kè còn là dễ! Đạt-Nhị Văn tiên-sinh vốn là một nhà quan sát rất sắc-sắc phải lấy làm ngạc-nhiên là làm sao trẻ con lại khéo, lại cười được. Tiên-sinh lại viết cả một pho sách để giảng cho ta rõ trẻ con cười, khỏe thế nào nữa kìa đấy! Tôi vốn lính thiện-cứu nên không nghĩ đến chuyện lấy Lan ra mà thí-nghiệm, chỉ ngồi yên mà ngắm nó thôi, nhất là khi ngắm nó mà lại không làm phật-ý nó.

Lan khề cợ vào con gà rồi tỏ vẻ lưỡng lự, không hiểu tại sao một vật rõ-ràng trông thấy đấy mà lại không lấy được. Điều đó thì ắt là quá, cần tìm tri khôn nó. Và lại cái gì mà chẳng quá tầm tri khôn của Lan, có lẽ chính vì thế mà trông Lan mới khàn. Con trẻ luôn luôn sống trong một sự huyền diệu, cái gì đối với chúng cũng là thần diệu cả: vì vậy mà mặt trẻ con nhiều vẻ nên thơ. Ngồi ngay cạnh ta, mà chúng sống

ở các miền xa ta. Cái bí mật, cái bí mật thần tiên lúc nào cũng quanh quẩn bên mình chúng.

Mẹ nó bảo :

— Con ngốc lắm con ạ ! Lấy thế nào được mà lấy !

— Con mơ còn tốt, nhưng mà nó khôn, mơ ạ ! Khi ta trông thấy một vật gì đẹp là ta muốn lấy ngay. Đó là một thiên tính và luật pháp đã phải nghĩ cách để phòng cái tính gười sinh ấy rồi ! Bọn giảng hồ của Béranger tiên sinh thì bảo : « Cừ trông, đủ là lấy rồi ! » Họ khôn lắm và, ít người đã khôn được như họ. Nhưng nếu ai ai cũng nghĩ như họ cả thì làm gì có văn minh : nhếch nhếch sống trùn như rệp, không có mỹ-thuật, văn chương gì cả, y như bọn thổ dân ở Đất Lửa (Terre de Feu) vậy. Mơ thì không nghĩ thế ; mơ thích các bức thêu cỏ, thêu hạc đồ dưới gốc cây, mơ mua về treo la liệt trên tường. Nói vậy không phải là tôi chỉ trích mơ đâu, nhưng mơ phải hiểu chuyện ! Lan và con gà mới được !

— Tôi hiểu ! Lan cũng như thằng Thạch đòi mặt giếng trong chậu nước chứ gì ! Ai cho nó được. Nhưng cậu đừng kêu rằng Lan coi con gà vẽ này là gà thật nhé, vì từ trước đến giờ, nó đã trông thấy con gà nào đâu !

— Không ! Tôi không bảo thế ! Tôi bảo rằng Lan coi cái hình, cái bóng là sự thật. Vả lại nếu nó có nhầm như vậy thì lỗi là ở các nhà nghệ-sĩ, vì từ bao đời nay, các nghệ-sĩ vẫn dùng các đường, các nét, các màu, các sắc để bắt chước sự bất kỳ mà ! Cái ông tổ loài người, ăn hàng ở hốc ngày xưa, lấy một thỏ ngà voi mà chạm thành một con voi ma-mút (mammoth), thì chết là thiên vạn năm nay rồi ! Nhưng kể làm siêu lòng nổi một đứa trẻ ba tháng, hai mươi ngày thì cái nghệ-luật hình dung mô phỏng sự vật kể cũng lạ lùng thay ! Cái

hình, cái bóng ! Hình với bóng làm siêu lòng ai mà không được ! Thử hỏi : Khoa học mà người ta nói mãi đến nhàm tai ngày nay, có tiến quá được cái hình, cái bóng bên ngoài của sự vật không ? Thử hỏi giáo-sư Robin xem khi soi kính hiển-vi thì người thấy gì ! Ngồi thấy hình bóng, và chỉ thấy có hình bóng mà thôi. Thi sĩ Euripide đã nói : « Cái phù-hoa, dối trá, còn làm ta quay cuồng chưa biết đến bao giờ ».

Tôi nói vậy và đã làm le giải thích câu thơ của Euripide ấy thì gian phòng bỗng nhiên thành huyền ảo, không phải là nơi ngồi mà suy lý về triết học được nữa : Lan không lấy được con gà, liền phát khùng, mặt đỏ như ớt, mũi phồng to, má mếu sếch lên mắt, lông mày cau lên gần đến chân tóc. Trán đỏ bừng, chỗ lồi lõm, chỗ rãnh rãnh, trông y như một khu đất cổ núi lửa phun vậy. Mồm méo sếch đến tận mang tai, rồi Lan cứ thế mà hò hét ; nghe dữ dội vô cùng. Tôi nói :

— Đứng rồi ! Lúc này là lúc lòng dục vọng nổi dậy đó, con ạ ! Ở đời chớ nên coi thường dục vọng mới được. Phàm làm được công nghiệp vì đại gì cũng là nhờ dục vọng cả. Đây cứ xem một cái tia dục vọng con con cũng đủ khiến một đứa trẻ xinh xắn thành ra gớm ghê như một pho tượng Tàu rồi. Con ơi ! Cậu bằng lòng con lắm ! Con cứ có thật nhiều dục vọng vào ; con cứ để cho dục vọng ấy một ngày một ta dần lên ; con cứ cùng với dục vọng mà cùng lên, con ạ ! Ấy thế rồi mai sau, nếu con tự chế-ngự được dục vọng của con thì sức mạnh của dục vọng sẽ là sức mạnh của con đấy : dục vọng càng nhiều bao nhiêu thì con càng đẹp bấy nhiêu, con ạ ! Dục vọng ! Dục vọng là cái phần phong phú nhất của tâm hồn ta đấy !

Mẹ Lan kêu :

— Gớm ! Đỉnh tai quá ! Một ông thì triết lý yu vơ, một con bé thì thấy gà vẽ coi là gà

MOT TAM HON NGHE SI

(NGUYỄN ANH VĂN CỦA SOMERSET MAUGHAM)

LÊ ĐÌNH CHÂM dịch

(Tiếp theo)

IV

Mùa nức nẻ năm ấy tôi gặp bà Strickland luôn luôn. Tôi thường lại ăn cơm sang ở nhà bà ta, và có mặt ở những bữa ăn bánh năm giờ có thể gọi là đáng sợ. Chúng tôi mến nhau lắm. Bấy giờ tôi còn trẻ, và nếu tôi không nhầm thì bà ta lấy làm thích khi được trông nom, đưa đường chỉ lối cho tôi trong lúc mới bước chân vào con đường hiểm nghèo của văn chương.

Về phần tôi được một người bạn tâm sự, khi có điều gì phiền muộn bao giờ cũng sẵn lòng khuyên nhủ thì còn gì bằng. Bà Strickland là một người đa cảm lắm bao giờ cũng sẵn lòng chia sẻ nỗi buồn của người khác. Đa cảm cũng là một tính tình đáng yêu, nhưng làm người thì

thật! Còn ai hiểu được cái gì ở trong buồng này nữa; Đàn bà chúng tôi mà không biết điều một chút thì sống làm sao với chồng con được.

— Con gái mọi lần đầu tiên đi tìm cái đẹp. Giá phải nhà văn lãng mạn thì dễ nói rằng đó là sức ám ảnh của cái vực sâu thăm thẳm rồi đấy. Tôi thì tôi bảo rằng phạm người ta mà có tâm hồn cao thượng thì tự nhiên người ta đi tìm cái đẹp như vậy. Có điều là cho nên đi tìm cái đẹp sớm quá, nhất là khi còn chưa đủ điều kiện và phương pháp thì lại càng không nên lắm mà thôi. Con mọi thì giới sinh ra đã có sẵn nhiều phép thần thông để dễ cho con nín rồi. Thôi cho con nó đi ngủ đi mọi ạ!

Cầm-Thạch Lê Doãn Vỹ dịch
(Anatole France : *Le Livre de mon Ami*)

lại lạm dụng những tính tình đó. Có lẽ những hạng người này chỉ mong cho bạn hữu gặp bước không may để có dịp chia buồn và giúp đỡ. Tính tình đa cảm của họ vọt ra như suối nguồn đến nỗi làm cho người mà họ giúp đỡ cũng phải khó chịu. Nước mắt của tôi không muốn chảy vào những bộ ngực đã có nhiều nước mắt khác tưới. Trái lại tính tình đa cảm của bà Strickland thực là kín đáo. Ông có cảm tưởng là làm ơn cho bà ta nếu ông chịu để cho bà ta khuyên nhủ giúp đỡ ông. Tôi năng hái nói cho Waterford biết điều tôi vừa nhận thấy thì cô ta giả nhời: « — SỮA mà pha một chút rượu vào thì nổi bật vị lên. Nhưng dù sao con họ cái cũng thích được người ta vắt sữa cho — vú căng quá khổ cũng khó chịu. »

Rose Waterford bao giờ cũng có giọng chậm biếm sâu sắc. Không ai có cái lưỡi ác nghiệt hơn cô ta, nhưng trái lại, không ai ý tứ và khéo lấy lòng bằng cô ta.

Có một điều nữa làm cho tôi mến bà Strickland bà ta khéo trang hoàng nhà ở thành ra một nơi có phong khí thanh lịch. Buồng nào cũng sạch sẽ, vui vẻ, thỉnh thoảng một bó hoa khéo bày làm nổi bật vẻ đẹp của những bức rèm và những bữa cơm trong phòng ăn đúng kiểu mới ngon lắm sao! Bàn trắng xóa, cốc pha lê bóng bẩy, món ăn ngon, hai con hầu ý tứ và nhanh nhẹn. Bà Strickland thực là một người nội trợ khuôn mẫu. Và ông có thể tin được rằng bà ta là một người mẹ hoàn toàn. Trang phòng khách có treo ảnh hai đứa con Robert năm nay 16 tuổi, đang theo học ở Oxford. Nhìn ảnh thì là một thanh niên rắn rỏi trong bộ quần áo flanelle với cổ là cứng theo kiểu Etón. Đầu đội mũ lưỡi chai, dùng khi đánh quần. Lông mi ngày thơ, và nhỏ bé trên đôi con mắt nâu, đẹp đẽ và thâm trầm

giống mẹ. Một người trẻ tuổi, khỏe mạnh, sạch sẽ và thông minh. Một hôm đang đi ấy tôi nhìn ảnh Robert, Bà Strickland nói: « Tôi xem cháu nó cũng không thông minh lắm. Nhưng nó ngoan, và tính dễ ưa lắm ». Đứa con gái mới 14. Bộ tóc rậm và đen giống mẹ thông xuống đến tận vai, và để lộ ra nước da trắng cùng đôi con mắt rất ngây thơ và dịu.

— Thực là hai cháu giống bà như đúc, tôi nói

— Vâng. Tôi cũng cho là chúng nó giống tôi hơn là giống ba cháu.

— Nhưng tôi có được hân hạnh biết đến ông nhà dâu !

— Ông muốn biết nhà tôi làm hay sao ?

Bà ta cười - nụ cười rất dịu, và mặt hơi ửng đỏ. Một người đàn bà đứng tuổi như thế mà để đỏ mặt kẻ cũng hơi hiếm. Có lẽ bà ta đáng yêu nhất là ở chỗ ngây thơ như vậy.

— Ông nên biết rằng nhà tôi không « Văn chương » lắm đâu. Hoàn toàn tầm thường.

Cậu nói không có giọng mỉa mai, chưa chút như mọi người đàn bà khác khi nói đến 1 người chồng mà họ không « phục ». Trái lại giọng nói âu yếm của một người vợ muốn tránh cho chồng những lời bình phẩm nghiêm khắc của bạn.

— Nhà tôi làm việc xã sở giao dịch. — Một viên trọng-mãi rất thương. Nói chuyện với nhà tôi có thể làm cho ông buồn ngủ được.

— Nhưng có làm cho bà buồn ngủ không ? Tôi hỏi.

— Không. Tôi yêu nhà tôi lắm...

Nói xong bà ta cười để dấu vẻ cảm động của mình. Bà ta sợ tôi sẽ chế riễu câu nói đó như Rose waterford hay sao ? Lượng lự, mặt đầy một vẻ yêu thương cảm động, bà nói thêm :

— Nhưng nhà tôi biết phận mình lắm. Không tưởng mình là một thiên-tái-dâu, mà kiếm tiền cũng không lấy gì làm giỏi lắm. Nhưng nhà tôi tốt lắm... Người chất phác và thực thà.

— Thế thì tôi không miễn ông ấy sao được.

— Một ngày kia, tôi sẽ mời ông đến soi cơm tối với các bạn thân... Nhưng tôi xin nói trước ! Nếu có buồn ngủ thì đừng có trách tôi.

V

Nhưng hôm tôi gặp mặt Strickland thì chỉ đủ thời giờ được làm quen với bà ta. Một buổi sáng bà Strickland gửi cho tôi 1 bức thư ngắn : Mời tôi ăn cơm chiều ngay hôm ấy để thay 1 người bạn đã sai hẹn. Bà ta viết thêm như sau : Tôi xin nhắc lại với ông là bữa cơm này không có gì là vui vẻ lắm. Trái lại, tôi chắc là buồn ngủ từ đầu chí cuối. Nhưng nếu ông có thể đến được thì thực là làm ơn cho tôi nhiều lắm ! Và chẳng ta sẽ có lúc có thể trao vài câu chuyện riêng với nhau được. Vì là láng giềng tôi không sao từ chối được. Bà Strickland giới thiệu tôi với chồng bà ta : Hân thần nhiên dơ tay bắt tay tôi. Song bà Strickland vui vẻ quay lại khỏi hải :

— Tôi mời ông bạn nàng đến để cho ông ta biết rằng tôi cũng có chồng. Vì tôi xem ra ông ấy đã bắt đầu nghi... Strickland lễ phép mỉm cười cái cười của 1 người lịch sự khi nghe thấy 1 câu khôi hài mà họ không cho là có ý vị lắm. Hân không nói gì thêm và ra tiếp mấy người khách mới đến. Khi mọi người đã đến đông đủ và chỉ chờ ăn, tôi vừa tiếp chuyện 1 bà không quên biết vừa nghĩ : người văn minh đời nay thực khéo nghĩ cách làm ngắn cuộc đời ngẫu của mình bằng cách bày đặt ra những cuộc hội họp tẻ ngắt và vô vi. Mà những bữa cơm tẻ ngắt như hôm nay thì còn gì là thú vị cho chủ nhân và chờ khách ! Tôi tự hỏi : tại sao họ lại mời, mà tại sao lại có người đến ! Tất cả có độ 10 người. Họ thân nhiên gặp nhau mà vui sướng khi từ giã nhau. Thật là một hỗn loạn khó chịu mà xã giao bắt buộc. Vợ chồng nhà Strickland « nợ » vài bữa ăn nên mới phải mời lại. Mà tại sao những người này lại nhận nhời đến ăn ?

Để tránh những bữa ăn tẻ ngắt ở nhà, để cho đầy tớ nghỉ một hôm nay là chỉ vì họ không có lẽ gì để từ chối và hơn nữa, có lẽ cũng tại người ta « nợ » họ một bữa ăn. Đến cho người ta được trả nợ.

Khi vào bàn, thật, nich không sao động đậy được. Hôm ấy có vợ chồng một ông cố vấn nhà

qua, chỉ ruột là Strickland cùng với ông chồng. Đại tá Mac Andrew và vợ một ông Nghị-viện. Tại ông này không sao rồi nghị-viện hôm ấy được cho nên họ nỡ tới đến tay. Một cuộc hội-hợp hoàn toàn, đúng đắn và buồn cười. Các bà thì đứng đắn quá cho nên ăn mặc rất chỉnh, nhưng xấu, và chuyện họ tất nhiên không có gì là lý thú hơn cách trang điểm có thể gọi là nghiêm trang của họ được. Phần ông thì ai cũng thuộc vào hạng «đạt». Bộ mặt họ cũng đầy một vẻ tự tôn tự trọng.

Muốn cho câu chuyện đỡ buồn, ai ai cũng cố nói cho to thành thử ra chỉ thấy ồn ào. Nhưng không bao giờ có một câu chuyện về vấn đề chung cho mọi người có thể cùng nhau góp lời bàn tán. Ai ai cũng chỉ nói chuyện với người ngồi cạnh mình, nói với người bên phải trong khi ăn «súp»; thịt và cá; nói với người bên trái trong khi ăn rau và hoa quả tráng miệng.

Họ nói chuyện chính-trị, hiện thời, chuyện golf, chuyện con cháu cũng là vô ích vụn vặt, bức tranh vừa phôi hazy trong Đảo tòng-viện, không quên bàn qua về thời tiết thay đổi, cũng là các nơi họ định đi nghỉ mát. Không bao giờ, câu chuyện ngắt và tiếng ồn ào càng ngày càng to. Bà Strickland có thể tự hào là bữa tiệc hôm nay vui vẻ. Ông chồng thì đóng vai chủ nhân cũng khá khéo tuy không bông bầy lắm có lẽ hẳn là không nói nhiều lắm nhưng lúc ăn gần xong tôi thoáng nhận thấy vẻ mặt lộ vẻ trên mặt hai người đàn bà ngồi cạnh hẳn. Có lẽ họ thấy hẳn hơi nặng nề; một hai lần bà Strickland ngoác lo sợ nhìn chồng.

Sau cùng bà ta đứng dậy và đưa các bà ra buồng khách. Strickland cũng dậy khép cửa và quay lại ngồi giữa ông cố vấn và đại tá Mac Andrew. Hẳn mở «porto» và đem «xi gà» mời khắp lượt. Viên cố vấn khen rượu ngon và Strickland mách mửa ở câu. Chúng tôi bắt đầu nói chuyện về rượu vang và thuốc lá.

Viên cố vấn nói chuyện việc ông ta đang làm và Đại tá Andrew nói chuyện «polo». Tôi không có gì nói, cho nên ngồi im, và có làm ra vẻ

lãng tai nghe chuyện nhưng sau cùng xem ra không có ai để ý đến mình lắm, tôi bèn đưa mắt ngắm Strickland. Hẳn ta to hơn hơn là tôi tưởng; không hiểu tại sao, trước kia tôi cứ tưởng hẳn nhỏ nhỏ và mảnh khảnh. Nhưng thực ra hẳn phép pháp lực lưỡng, tay to chân dài. Quần áo thì lụng lụng, xộc xệch. Người ta có thể nhầm hẳn với một anh xã-tích vận quần áo chủ nhật. Hẳn trạc 40 không đẹp không xấu. Nét mặt khá dịu, nhưng hơi to và thiếu vẻ cân uoi thành ra khi thô giá lẫn vào râu mạp thì mặt hẳn sẽ xấu hơn. Dưới bộ tóc hung hung cái ngắn, người ta nhận thấy đôi mắt nhỏ lúc xanh, lúc sẫm. Trông hẳn rất thường. Tôi hiểu tại sao nói đùa chồng, bà Strickland hơi gương. Đối với một người đàn bà sinh vào chương muốn có địa vị trong làng văn, một ông chồng như thế thật là vô vị — Hẳn không có gì là bóng hầy, nhưng cái đó không cần lắm. Nhưng hẳn không có gì là khác thường — có thể làm cho hẳn nổi bật trong đám người tuồng. Hẳn chỉ là một người thực thà, chất phác, lối hung, nhưng rất tâm thương. Người ta có thể khen hẳn là một người chồng hoàn toàn, nhưng không ai muốn làm quen với hẳn. Hẳn thật vô vị. Người ta có thể tin hẳn là một người chồng tốt, một người cha hiền, một nhà buôn thành thực. Nhưng người ta không bao giờ muốn mất thì giờ với một anh chàng nhạt nhẽo và vô vị như hẳn.

VI

Mùa hè sắp tới, ai ai cũng sắp sửa đi nghỉ mát. Bà Strickland cùng với gia đình đi về miền bờ biển Norfolk, và tiện cho các con được tắm biển và chèo chơi golf. Chúng tôi từ biệt nhau, và bọn sẽ gặp nhau về mùa thu. Trước hôm tôi đi, khi vừa ở một cửa hàng tạp hóa to bước ra, thì tôi gặp bà Strickland cùng đi với hai đứa con. Cũng như tôi, bà Strickland đi mua bán vật trước khi từ giả Luân đôn, và chúng tôi đều đắm mê hội và một nhạc. — Tôi mời bà ta lại vườn bách thảo giải khát.

Tôi xem ra bà Strickland rất lấy làm bằng lòng cho tôi được biết hai con bà cho nên vui vẻ nhận nhả ngay. Thực thì hai đứa trẻ còn xinh hơn trong ảnh nhiều, và bà Strickland thực có thể hãnh diện vì con được lắm. Tôi hãy còn trẻ cho nên hai đứa bé không ngưng và vui vẻ niềm nở nói chuyện với tôi. Chúng rất sinh và khỏe mạnh, và dưới bóng cây um tùm không khí vườn bách thảo mới dễ chịu làm sao!

Một giờ sau bà Strickland cùng các con lên xe ngựa về nhà, và tôi một mình lững thững lại « cầu lạc bộ »

Tôi cảm thấy mình hơi cô độc, và khi nghĩ đến cảnh gia đình vui vẻ vừa rồi, tôi hơi có ý ước ao thêm muốn. Sao mà họ âu yếm nhau thế! Sao làm câu hỏi hài hước dần — mà riêng họ hiểu với nhau — làm cho họ vui vẻ thế! về phương diện giao thiệp người ta có thể cho Strickland là một người tế nhị, không có gì là bằng bẫy, nhưng xem ra hẳn thạo công việc của mình lắm và như thế không những hẳn phong lưu, mà lại còn có thể sung sướng được; bà Strickland là một người đàn bà rất đáng yêu, và xem ra, rất yêu chồng. Tôi tưởng tượng, đời họ hẳn không có chuyện gì khác thường có thể làm nao động được, một cuộc đời thực thà chất phác, hơn nữa, khuôn mẫu, với hai đứa con xinh đẹp khỏe mạnh có thể nói nghiệp ông cha để sống một cuộc đời không phải là không cao thượng. — Họ sẽ thăng thăng sống cho đến già, họ sẽ trông thấy con gái nhớn lên, đến tuổi lấy chồng, rồi sinh ra những đứa con khỏe mạnh xinh đẹp trong khi đứa con gái trưởng thành, một người thanh niên hãnh bao, chắc hẳn sẽ là một võ quan giá trị và sâu sắc, và nhân trong cảnh hưu trí phong lưu, coi cháu kính mến, họ sẽ đưa nhau xuống tuổi vàng sau một cuộc đời không phải là vô ích.

Đời họ là đời của hàng ngàn cặp vợ chồng! Hạc

Một đời đầy hương vị của cảnh lạc thú gia đình. Ta nghĩ đến một giống tuổi trẻ, khuôn khác hẳn qua một cảnh đồng cỏ đẹp, dưới bóng cây cao, không nhanh không chậm cho đến khi ra đến bờ khơi — nhưng vánh bề khơi cũng trong cũng lặng, cũng yên, mộng thần nhiệm làm cho

lòng ta bỗng như đang tràn ngập dưới một vòm trời sâu vô cực. — Hay sâu này cũng chỉ là một sâu riêng, một mối sâu của một tâm hồn đã thoát khỏi khuôn mẫu tẻ tẻ, chỉ khao khát giống-tổ? Vì tâm hồn tôi như thế nên tôi có cảm tưởng là những ước đời như thế mình như còn thiếu mất gì gì. Tôi cũng nhận rằng về phương diện xã-hội cuộc đời ấy không phải là vô giá trị. Tôi cũng nhận là người sống như thế không phải là không được hưởng hạnh phúc dù là một hạnh phúc bình thường. Nhưng lòng tôi khao khát sống một đời nguy hiểm hơn! Hạnh phúc lặng của ao tù hình như làm cho tôi hơi sợ. — Non cao, rừng thâm, bể rộng, sóng to không làm cho lòng tôi sợ nếu non cao rừng thâm có thể đem lại cho lòng tôi những cảm hứng say sưa, mới lạ và bất thành hình. —

VII

Khi xem qua lại mấy trang tôi vừa viết xong về cảnh gia đình Strickland, tôi nhận thấy không có gì là đặc sắc. Kể gì có nhân vật nào là có tính cách khác thường của những vai chủ động trong các chuyện — và tôi tự hỏi hay là lỗi tại tôi không biết nhận xét — Tôi uao óa đề tìm xem họ có gì là dị-thường để che vai họ thêm về linh động. Tôi cảm thấy giả họ có câu nói gì khác hay tính gì lạ — dù là một nét xấu, một tật tật — thì tôi có thể tả họ một cách rõ ràng hơn và làm cho độc giả nhận được họ ngay. Nhưng không — họ hẳn thường như những bình thêu trên một bức thảm đỏ, và nhìn xa thì không còn rõ gì nữa chẳng là chỉ thấy mặt thảm màu hay hay. Nhưng tôi cố để tự bào chữa cho mình được, vì tôi đã tả theo sự thực mà tôi nhận xét. Thấy họ sao, tôi đã tả vậy. Gia đình Strickland hoàn toàn dựa dụa cho hạnh gia đình trung lưu. Một người đàn bà đáng tuổi, có duyên và đáng yêu, chỉ xinh — nhưng cái đó không hại — làm quen với các nhà văn — một ông chồng chịu thương chịu khó, cố sức làm đủ phần mà trời đã dành cho họ — hai đứa trẻ xinh đẹp khỏe mạnh.

Đến gì thường hơn? Tôi thấy họ không có gì là đáng làm cho người ta phải dè ý.

Khi tôi nghĩ lại đến câu chuyện xảy ra sau này, tôi tự hỏi tôi: hay là ta mà chẳng cho nên mới không nhận thấy Strickland không sợ một tí gì là khác thường? Có lẽ ta thuộc ấy; lẫn lộn với đời đã làm cho tôi sáng mắt ra. Nhưng dù khi mới gặp Strickland mà tôi đã thạo được như bây giờ, tôi cũng chắc rằng đối với tôi Strickland vẫn thế — sự nhận xét của tôi sẽ không khác với ngày xưa. Nhưng tôi đã học được rằng: sống sâu sắc có thể dò được chớ như lòng người thì thực nham hiểm không ai đo cho được. Cho nên bây giờ mà tôi nhận được những tin đời tôi khi mùa thu năm ấy tôi trở về Luân đôn, thì tôi chắc sẽ không lấy làm ngạc nhiên lắm.

Về Luân đôn chưa được 24 giờ, còn đang lang thang ngoài phố thì bỗng gặp Rose Waterford.

— Sao cô trông vui thế? — tôi hỏi — Có chuyện hay lắm sao? Waterford mỉm cười — và hai mắt đầy với cái vẻ tinh ma mà tôi đã quen lắm. Tôi đề rằng cô ta vừa khám phá ra được một chuyện gì bí mật lý thú, và linh tính nhà văn của cô ta đang làm việc dữ lắm....

— Ông có biết Ch. Strickland không?

Không những mặt cô ta mà cả đến người và chân tay xem ra đều có vẻ, bí bưng lắm. — Tôi gạt đầu:

— Strickland đã về nợ: hay sao hay là bị xe hơi chẹt?

— Có ngờ không? Hận vừa bỏ vợ đi đâu mất.

Cho là đứng ngoài phố không hề nói hết câu chuyện dĩ thường ấy, Waterford vì muốn làm cho câu chuyện đó thêm vẻ ly kỳ, bèn sử dụng như một nhà nghệ sĩ của sân khấu: không kịp từ giả tôi, cô ta thoăn thoắt bước đi ngay, không cho biết gì hơn nữa. —

Tôi không đáp, cho là cô ta đi ngay, sở dĩ cũng chỉ vì không biết gì hơn. Không cô ta là một nhà văn, hơn nữa một người đàn bà giàu

tướng tượng. Không phải là vì không biết mà cô ta không nói, Tôi chạy theo nõi thế nào cô ta cũng không chịu cho biết gì hơn.

— Tôi đã bảo là tôi không biết gì hơn! — cô ta giả nhời và dún vai nói thêm: — Tôi đề rằng lại có một thiếu nữ trong tiệm trà nào cũng vừa bỏ việc...

Mỉm cười rất có duyên và lấy cớ có hẹn với một người bạn cô ta từ giả tôi thoăn thoắt bước đi. Thuở ấy tôi chưa được lịch duyệt lắm và không gì làm cho tôi thú bằng khi nhận xét thấy trong đời hàng ngày một trường hợp mà tôi đã thấy tả trong sách. Bây giờ đời đã giãi bày cho tôi không còn biết ngạc nhiên nữa: tôi biết rằng đời chẳng kể gì chuyện về mọi phương diện, cũng lãng mạn, cũng bất thường. Cứ thần nhiên là hơn cả. Nhưng, bây giờ nghe thấy Strickland như thế, tôi hơi khó chịu. Một người 40 tuổi như hắn, có vợ, có con mà còn dính dứ với chuyện hoa nguyệt hay sao? Thật là tởm và nợ — Tôi còn trẻ, và với quan niệm cực đoan của tuổi trẻ, tôi cho rằng quá 35 mà còn dính dứ với tình, thì chỉ tổ làm trò cười cho thiên hạ. Tin ấy lại làm cho tôi khó chịu hơn vì tôi đã viết thư hẹn trước với bà Strickland là khi nào về Luân đôn sẽ lại thăm bà ngay, trừ khi nào nhận được thư Lão dừng lại. Tôi chưa nhận được thư giả nhời; và hôm ấy chính là hôm tôi định lại uống trà với bà ta. Liệu bà ta có muốn tiếp tôi không? Có lẽ vì còn rắc rối với chuyện chồng bỏ đi cho nên bà ta đã quên thư của tôi. Có lẽ không nên lại thí hơn. Và lại biết đâu bà ta muốn dẫn chuyện ấy đi? Và về phần tôi, đến chơi và tỏ ra mình, biết chuyện rồi, kẻ hơi bộp chộp quá Tôi lưỡng lự, vừa sợ làm mất lòng một người bạn quý, vừa sợ đến làm phiền người ta trông lúc bối rối.

Tôi chặc rằng bà ta đang đau khổ lắm, và trông thấy cảnh đau khổ mà phải bó tay thì tôi không muốn. Nhưng trong thâm tâm tôi (và tôi thực lấy làm thẹn) tôi vẫn muốn gặp mặt bà Strickland để xem thái độ của bà ta ra sao

Tôi lưỡng lự chưa biết xử trí ra sao ?

Sau rồi tôi định tụng cử lại chơi bà Strickland và làm ra bộ mình không biết tin gì.

Tôi bèn đi lại nhà bà ta và cho hỏi trước là bà ta có thể tiếp tôi được không ? Như thế tôi dễ cho chủ nhân thấy ý. Nhưng lúc tôi bảo tên đầy tớ thì ông nổi lúng túng quá và tôi phải lấy hết car đấm để đứng chờ câu trả lời. Tên đầy tớ ra ngay. Tôi xem ra cử chỉ của nó cũng tỏ ra rằng nó đã rõ hết chuyện gia đình của chủ ?

— Xin mời ông theo con — tên đầy tớ nói.

Tôi theo nó vào buồng khách. Riềm cửa đều buồng, trong phòng tôi bần lại và tôi thấy bà Strickland ngồi trên một chiếc ghế mặt lấp trong bóng tối — Anh rồ bà ta, đại tá Marc Andrew cũng quấy lung vào cái lò sưởi không có lửa. — Tôi cảm thấy mình hơi thừa.

Có lẽ bà Strickland đã miễn cưỡng phải tiếp tôi, hình như Đại tá Marc Andrew cũng nghĩ thế.

— Tôi chắc rằng hôm nay bà sung không ngờ. Tôi đến thăm... tôi nói cố dấu vẻ lúng túng.

— Không, không, tôi chắc ông thế nào cũng đến.

Đầy tớ sắp bưng trà vào Tuy phòng tối nhưng tôi cũng có thể nhận được hai mắt bà Strickland sáng bừng lên vì khóc. Nước da bà ngày thường cũng không được hồng lắm thì hôm nay trông nhợt hẳn.

— Ông còn nhớ anh rồ tôi không ? — hình như hai người đã gặp nhau, hôm ấy ở đây, trước khi đi nghỉ hè, chúng tôi bắt tay nhau. Tôi ngỡ ngàng đến nỗi không biết nói gì. Nhưng bà Strickland cứu tôi ngay. Bà ta đã hỏi đôi làm gì suốt mùa hè và một cô gái nhỏ cho đến khi đầy tớ bưng trà vào. Đại tá Andrew xin một cốc Whisky

— Thỉnh thoảng uống một cốc — ông ta nói

— Không em thích uống trà hơn.

Đó là câu nói đầu tiên nghe rằng có sự gì mới lạ xảy đến.

Tôi làm ra như không biết và cố gọi cho bà Strickland nói chuyện. Đại tá Marc Andrew vẫn đứng yên không nói không rằng — Tôi tự hỏi lúc nào nên « bỏ đi » cho đỡ ngượng ? Mà tại sao bà Strickland lại để cho tôi vào đây, không có đến một bông hoa trong phòng khách và những ly sứ cùng là đồ ngà bầy ngày thường cất đi trong khi cả nhà đi nghỉ mát cũng chưa thấy bày lại. Phòng khách ngày thường trang hoàng đẹp đẽ bao nhiêu thì trái lại hôm nay thì thực là buồn rầu tẻ ngắt và như bỏ không bấy nhiêu. Ông có cái cảm tưởng là cạnh đây, ở buồng bên có một sắc đẹp. Tôi uống cạn chén trà.

— Ông soi thuốc lá ? bà Strickland hỏi tôi

Bà đưa mắt tìm hộp thuốc nhưng không thấy

— Tôi sợ rằng không còn hộp nào...

Rồi bà bỗng nức nở khóc và vội vã chạy sang buồng bên.

Tôi rất bối ngạc nhiên. Ngày thường chồng bà ta đem thuốc lá lại: hôm nay hộp thuốc rỗng không đã làm cho bà ta chợt nghĩ đến chồng, đời ngày xưa còn đâu !

Mà còn gương uể oải khách sao được ?

— Có lẽ tôi xin Đại tá cho phép tôi báo tin — tôi đứng dậy nói

— Chắc ông biết rằng cái thằng khốn nạn ấy đã bỏ vợ con đi đâu mất ? đại tá Andrew thốt ra như quái !

Tôi lưỡng lự không biết giả vờ sao.

— Đại tá còn là gì với người ta. Tôi cũng được thoáng nghe là có sự gì không hay.

— Nó đi rồi. Nó đi sang Ba-lê với một con đi, để lại vợ không có đến một xu nhỏ.

— Trời ! — tôi huýt nộ, không biết nói gì thêm.

Đại tá uống cạn cốc rượu Whisky Ông ta trạc 50 người cao nh ng gầy, với bộ tóc hoa

lầm và bộ râu mép rủ xuống. Đôi mắt sanh nhọt cùng với cái mồm trễ tỏ ra một người thiếu nghị lực. Lần đầu tiên, về mặt xuân của, ông ta đã làm tôi phải chú ý. Hắn tự hào xuất mười năm rưỡi rồi, trước khi giải ngũ, tuyên lã cáo cũng đánh ba ngày để chơi polo.

— Tôi chắc rằng bà Strickland không muốn tiếp tôi nữa — tôi lầm nhầm nói. — Nhờ Đại tá nói hộ rằng tôi thành thực chia buồn cùng bà... và tôi rất sung sướng nếu có thể giúp ích bà ấy được việc gì.

Ông ta không đề ý đến câu nói của tôi.

— Tôi không hiểu thím nó sẽ ra sao bây giờ, mà lại còn hai đứa trẻ nữa. Lấy gì mà nuôi chúng nó bây giờ? mười bảy năm!

— Mười bảy năm gì!

— Mười bảy năm đã lấy nhau, — ông ta vội nói. Tôi không bao giờ ra được hẳn.... Tuy là anh em rề với nhau, nhưng chỉ gọi là quen biết nhau thôi. Ông cho hẳn có phải là hạng người quân tử không? Thím nó lấy phải nó thực là nhầm!

— Nhưng tình thế liệu có thể cứu vãn lại được không?

— Bây giờ thím cháu chỉ còn một cách: là xin ly dị. Ấy là nhờ tôi đang khuyên thím cháu rúc ông đến. Thím phải nộp đơn xin bỏ nó ngay — tôi bảo thế để bênh vực quyền lợi mình và các con — Nó không hôn thì đừng có đàn mặt tôi. Tôi sẽ đánh cho nó tan tác.

Tôi không thể không nghĩ đến rằng Đại tá Mac Andrew đánh được Strickland cũng còn khó lắm: tôi còn nhớ đến thân hình lực lượng của Strickland. Nhưng tôi không nói gì. Tôi cũng tiếc thay cho lắm khi luân lý thường không có sức mạnh giúp đỡ để trừng trị bọn vô lương tâm. Tôi đang định bụng cáo từ lần nữa thì bà Strickland bước vào.

Bà ta đã lau mắt và đánh phấn lên mặt.

— Xin lỗi ông, tôi thực vô lễ quá... Cũng may mà ông ấy còn ngồi lại.

Bà ta ngồi xuống. Tôi không biết nói gì. Tôi không muốn bàn vào những chuyện không có liên lạc gì với tôi. Tôi chưa hiểu rằng hẳn bà vui lòng nói hết tâm sự mình với bất cứ một ai, hẳn lòng nghe họ. Bà Strickland như đang rối rắm (lịch).

— Người ta sẽ nói chuyện gì không? — bà hỏi.

Tôi hơi ngạc nhiên khi nhận thấy bà ta cho rằng tôi đã biết đến chuyện không may xảy trong gia đình với.

— Tôi vừa chân ướt chân ráo về xong... và mới gặp có một người, cô Rose Waterford.

Hai tay bà Strickland nắm chặt lấy nhau.

— Ông nhắc lại cho tôi nghe, cô ta đã nói gì với ông?

Tôi ấy tôi phân-ván bà ta cô nói:

— Tôi muốn biết lắm.

— Bà còn lạ gì lưới người ta! Cô ta hay nói vấn nạn hữu, bà có biết không? Cô ta bảo rằng, chồng bà đã bỏ bà đi đầu mất.

— Chỉ có thế?

Tôi không muốn nhắc lại câu chuyện người hiểu nữ nào đã bỏ việc đi mất của Waterford. Tôi thần nhiên giả lời: không.

— Cô ta không nói thêm rằng nhà tôi đã đi với ai?

— Không.

— Tôi chỉ cần biết thế thôi.

Tôi hơi ngạc nhiên. Nhưng tôi hiểu rằng lúc này tôi có thể cáo từ được rồi. Khi bắt tay bà Strickland tôi nhắc lại bao giờ cũng sẵn lòng, nếu bà cần đến tôi làm việc gì. Bà ta mỉm cười chưa chút.

— Cảm ơn ông! Khốn thay, bây giờ thì không ai có thể giúp tôi được việc gì nữa.

Bên lên không dám nói gì thêm, tôi quay lại chào Đại tá Andrew. Andrew không bắt tay tôi.

— Tôi cũng về đây. Nếu ông đi qua phố Victoria tôi sẽ đi cùng đi với ông.

— Hay lắm, nếu thế chúng ta cùng đi, — tôi

(Còn nữa)

LÊ ĐÌNH CHIẾN dịch

Vân-đê ban-vĩ tiền-tê

(Tiếp theo trang 8)

giá (*vaieur nominale*). Đồng thời họ truất tiền bạc xuống làm tiền phụ, nghĩa là nó không được sức giả nợ vô hạn và quyền đúc tự do nữa. Nếu vậy là các nước đó đã bỏ chính sách lưỡng kim rồi. Nhưng họ vẫn chưa phải theo kim-bản-vĩ-chế vì trong các đồng tiền bằng bạc duy đồng 5 francs tuổi vẫn là 0,900 và vẫn giữ tính cách tiền căn-bản như tiền vàng nghĩa là có sức giả nợ vô hạn và quyền đúc tự do. Thành ra chính-sách tiền tệ của họ là một thứ lưỡng-kim-chế lộn. Đến sau những trở ngại về việc giả tiền ngoại-quốc và sự đầu cơ vẫn còn làm cho đồng 5 francs mất giá vì giá trị đồng này vẫn như trước. Muốn chống lại sự khan đồng đo, các nước trong Liên minh la-tinh liền định cho đúc những đồng 5 francs khác mà bằng vàng. Như thế là người ta đã bỏ khuyết được vào hết mọi trở ngại của chính-sách tiền tệ vậy.

Nhưng không bao lâu, bắt đầu từ năm 1870 chính-sách kia lại bị ngang trở một cách ngược lại vì lần này bạc bị sụt giá, và sụt dần dần mãi mãi. Tỷ giá thị trường chuyển từ 1-15,03 tới 1-16 rồi 17, 18, 19, v.v... Sự chênh lệch giữa tỷ giá pháp-định và tỷ giá thị trường lại làm cho sự đầu cơ và giả tiền ngoại quốc vận chuyển được, mà lần này thì là tiền vàng biến mất và tiền bạc, tức là đồng 5 francs bằng bạc (vì duy đồng này còn được đúc tự do), tràn ngập trường giao dịch. Nhà cầm quyền lập tức phải can thiệp nhưng lúc đầu chỉ bằng những phương kế trợ thời. Như hồi tháng Septembre năm 1873, một đạo nghị-định thượng-thư giới hạn sự đúc đồng bạc 5 francs, mỗi ngày đúc nhiều nhất là 280.000 francs và những người xin đúc phải chờ đợi thật nhiều ngày mới lĩnh được tiền, như vậy khiến cho kẻ đầu cơ nắm chắc và

thiệt thòi vì tiền bị đọng lại một chỗ không làm ra lợi được. Nhưng phương sách đó không có hiệu quả mấy vì bạc mỗi ngày một sụt giá thêm và làm cho sự đầu cơ lại càng có lợi.

Kết cục người ta phải nan hành đạo luật ngày 5 Aout 1876 tạm thời hủy bỏ quyền đúc tự do của đồng bạc 5 francs. Nhưng rồi một đạo luật khác ngày 31 juillet 1878 hủy bỏ hẳn quyền đó. Đến ngày 5 Novembre 1878 thì một hiệp ước quốc tế mới, ký giữa bốn nước trong Liên minh la-tinh, thêm vào đó một nước thứ năm tức là Hy-lạp, tuyên bố bãi quyền đúc tự do của đồng bạc 5 francs.

Thế là từ đó các nước trong Liên minh la-tinh thi hành một chính-sách trung gian, đứng giữa lưỡng-kim-chế và kim-bản-vĩ-chế, nhưng ngã về kim bản vĩ chế nhiều hơn. Chính-sách đó khác lưỡng kim chế nhiều vì những đồng tiền bằng bạc không có quyền đúc tự do nữa và ngoài đồng bạc 5 francs ra các đồng khác đều chỉ có một sức giả nợ có hạn. Nhưng chính-sách đó cũng không hẳn là kim bản vĩ chế vì ngoài tiền vàng làm căn bản ra còn có đồng bạc 5 francs vẫn giữ một đặc điểm của tiền căn bản tức là hiệu-lực miễn trai vô hạn.

Tuy nhiên hiệp ước 1878 chỉ có tính cách nhất thời và rất có thể bị bãi bỏ đi bất cứ lúc nào. Xong sự thực nó đã được thi hành mãi tới cuộc đại chiến 1914-1918. Với cuộc chiến tranh này, chính-sách tiền tệ của hầu hết các nước đều thay đổi đi rất nhiều vì bao nhiêu yếu tố mới xuất hiện. Đó là những điều mà ta xét đến ở một phần thứ hai.

(Còn nữa)

ĐỨC DỤC

(1), (2), (3) Xem THANH NGHI tháng 91 và 92

Giao-duc...

(Tiếp theo trang 5)

duy nhất ấy, người ta định lựa chọn những tài năng về mọi ngành kinh-tế, mà xã-hội cần dùng, — theo người ta nói, — nhưng những giai cấp mới ấy cũng sẽ là những bọn ngời làm công cho một thiểu-số và sự huấn luyện mà họ được hưởng sẽ quy vào việc đó. Cho nên trong hiện tại phải chống lại cái phong-trào giáo dục duy nhất ấy. Và phải lập trong tạm thời, những trường riêng, khác hẳn với những trường của chính phủ, những đại-học đương lao động, do các nghiệp-đoàn quản-đốc.

Sau cuộc Gách mệnh, sẽ không có giai-cấp xã-hội. Giáo dục cần-lao (l'Ecole du Travail) sẽ duy nhất, bình đẳng mở cho khắp mọi người, và bắt buộc cho khắp mọi người. Ông Léon Blum có nói « Giáo-dục duy nhất chính danh chỉ có thể thực hiện bằng chủ-nghĩa-xã-hội ».

Nói tóm lại trong tất cả các dự-án « giáo-dục duy nhất » từ ý-tưởng gây sự bình đẳng đến những điều dự định kén chọn học sinh, tập trung quyền điều khiển việc học đến ý-dịnh xã-hội-hóa, hoặc quốc-gia hóa, hoặc vô-sản hóa, các công cuộc giáo dục, ta nhận thấy ảnh hưởng của tư-tưởng xã-hội với những màu sắc đậm nhạt rất nhiều hạng từ những ý kiến thông thường mà mọi người đều công nhận dù có chính kiến khác nhau cho đến những ý kiến quá khích của những phái cực tả.

(Còn nữa)
VŨ ĐÌNH HÒA

Tài liệu đang trong bài này rút ở cuốn: « L'éducation et le Socialisme » của Bouché, Giáo sư đại-học ở Bruxelles và cuốn « Le vrai visage de l'Ecole unique » của J. Mora, Giáo sư đại-học ở Paris.

**Ô-TÔ NHÀ LẠU,
CÁI MỘNG ĐỎ
SẼ THANH SỰ THẬT
NẾU CÁC NGÀI MUA VÉ SỐ ĐỒNG PHÁP (15)**

LỜI VU

(Tiếp theo trang 10)

Phồn Y — Anh vẫn cứ học giọng nói của ba anh! Đồ giả dối! Mày nhớ lấy chính mày mới thật là người dối em mày... mày đã dối tao, mày mới thật chính là người lừa dối ba mày!

Bình — (giận dữ) Mợ nói nhảm, tội không hề lừa dối ba bao giờ, ba là người tốt bụng. Xưa nay ba vẫn ăn ở có đức (Phồn y cười nhạt). — Bình nói với Phượng) Kệ thầy bà ấy, con đi lên rồi. Thôi chúng mình đi ngay đi.

Phồn y — Đi-dăng nào? Cửa lớn khóa rồi. Ba anh xuống đây bây giờ đây, tôi đã chờ người đi mới rồi.

Thị Bình — Trời ơi! Bà

Bình — Mợ định làm gì mới được

Phồn y — (lanh lụng) Chả làm gì sốt, chỉ đề cho ba anh nữa, thấy nàng dâu chính đình của cậu trước khi tái vợ chồng anh đem nhau đi mà thôi (la to) Ông ơi! Ông Phác Viên đâu rồi!

Xung — Mợ ơi! Mợ đừng làm thế!

Bình — (đi tới trước mặt Phồn y, bỏ dũ tợn) Đồ con diên! cứ hét to lên bảo tôi cho! (Phồn y chạy về phía buồng giấy gọi to)

Thị Bình — (hoảng) Phượng, Phượng ơi, cương mình đi về

Phồn y — Khoan hãy, ông ấy ra đây rồi.
(Còn nữa)

ĐẶNG THÁI MAI dịch

Thống-chế FÉTAİN đã nói:

Lại phải học lại cách sinh hoạt, cách hành động cộng đồng, là mở rộng tấm thân của mình mà thấu lấy cái khí hùng-vĩ của đoàn thể nó phối-hiệp với những cơ di truyền của tiền nhân cùng là những tiếng gọi của tương lai.

Một vấn đề sinh — hoạt xa hôi —

Cùng các nhà xuất bản ở Hanoi và
các Đại-lý (thư-quán) ở miền trong.

Hiện thời sự vận tải các sách vào Trung-kỳ và
Nam-kỳ rất khó khăn, chưa có cách gì thực hành
được :

1. — Công việc xuất bản đã gặp nhiều nỗi khó
khăn, lại thêm đình trệ.

2. — Việc buôn bán của các Đại-lý ở miền trong
bị thua thiệt.

3. — Các bạn yêu chuộng văn chương không có
sách đọc.

4. — Các nhà văn vi tác phẩm không in được
cũng bị ảnh hưởng về sinh kế.

Những vậy, chúng tôi đã điều tra nhiều nơi và
điều tra với nhiều hãng vận tải để tổ chức một
hạng tổng-phát-hành nhận chuyển chở hoặc dùng
phát hành sách báo vào Trung-kỳ và Nam-kỳ.

Những tôi muốn rằng, một bên các nhà xuất
bản sẽ nghĩ đến những Đại-lý (khách hàng) xưa
nay thường giao dịch, một mặt, các nhà Đại-lý
ở các tỉnh miền trong sẽ nghĩ đến sự hy sinh lớn
của các nhà xuất bản trong thời kỳ bom đạn. Cả
hai bên cùng nên nghĩ đến hãy phát hành để
hai bên vẫn được giao dịch với nhau như cũ, nhất
là đối với nhà xuất bản, sự bán ngay trong một
tác tất cả các sách cần phát hành vào miền
trong, lại càng tiện hơn là lúc bình thời nữa.

Mong rằng các nhà xuất bản và các Đại-lý sẽ
kỳ sian gyven lợi ít nhiều để hướng ứng công
việc một cách dễ dàng, và mong rằng các bạn chí
sĩ đồng lòng ủng hộ, thì mới có thể thực hành
một công cuộc quan-trọng và cấp bách.

Trái lại, nếu công việc sẽ tiến hành một cách
bình thường, không bị thiệt thời lẫn thì hãng
phát hành sẽ tình nguyện trích ra một số tiền về
hoa hồng để đặt như lệ thưởng về v.v. nghị

Người tổ chức : « VIỆN SÁCH QUÊ HƯƠNG »
kính đạt

RAP PORTE D'OR | TỐI 16 và 17
88, Hàng Buồm Hanoi | — Décembre 1964 —

— BAN KỊCH TINH HOA —

Quản lý : NGUYỄN KHÁC TRẦN | Giám đốc : ĐOÀN PHÚ TỬ

NGA BA

Kịch 8 hồi, 5 cảnh của Đoàn Phú Tử

Bà VU HẰNG AN

NGUYỄN TUÂN

ĐOÀN PHÚ TỬ

NG. QUỐC CANH

ĐỖ ĐỨC THU

NG. LƯƠNG NGỌC

ĐINH HÙNG

NG. NGỌC ĐÌNH

LÊ TRỌNG QUÝ

TÔ CHÂN NHỎ v.v.

ĐOÀN PHÚ TỬ

NG. GIA TRÍ

đán kịch

bài trí

NHÀ XUẤT BẢN " THỜI ĐẠI "
214 - Hàng Bông - Hanoi

BA CUỐN SÁCH SẮP RA

LO TÀN

ĐẠNG, THÁI MAI

TRU'ONG CHI

XUÂN DIỆU

HỒI THO'TAN

NGUYỄN HONG

CÒN MỘT ÍT

VANG BÔNG MỘT THỜI
của NGUYỄN TUÂN

NGẬM NGÃI TÌM TRẦM
của THANH TỊNH

TU SÁCH NGÀY MỚI

SẮP PHÁT HÀNH

VIET và SONG

KHAO LUẬN CỦA NGUYỄN XUÂN HUY

— Tuyên ngôn của một nhà văn tiến từ chủ nghĩa lãng mạn sang chủ nghĩa tả thực xã hội
— Nói rõ mục đích chính đáng của nhà văn trong lúc này.

MỚI CÓ BÁN

KHÔNG GIÁO với Ô ĐÀO DUY ANH

Nghiên cứu của Nguyễn Diễm — Giá 4\$00

SẼ XUẤT BẢN

TÔN GIÁO VÀ XÃ - HỘI

Nghiên cứu của Nguyễn Hải Âu

TỦ SÁCH "VĂN NGHỆ MỚI"

ĐANG IN: NGÃ - BA

truyện dài của Lê mộng Cầu

— Truyện một thanh niên tha thiết yêu đời, yêu cuộc sống, thành thực đi tìm lý tưởng.

— ĐẠI HỌC THU' XA —
181, Henri d'Orléans Hano.

SÁCH MỚI

VIỆT NAM VĂN HỌC SƯ YẾU

DƯƠNG QUANG HAM

Giáo sư trường Trung-Học Bảo.- Hộ Hà - nội
500 trang khổ lớn 15 x 22

DANH TỪ Y - HỌC

(Tập A và B)

PHẠM KHÁC QUANG; Y-khoa Bác-sĩ

LÊ KHÁC THIỀN, Ngoại-trú Y-sinh

ĐẠI NAM HÌNH PHÁP

LÊ TRUNG CHANH

Luật-khoa Tiến-sĩ

Thẩm phán tại tòa Thượng-thẩm Huế

350 trang khổ 13 x 20

NHA IN XUAN THU 214, HÀNG BÔNG HÀ-NỘI

TRUNG VIỆT
PACIQUÉ

KHÔNG PHAI MÀU

KHÔNG CẶN

CÓ BÁN TẠI

CÁC HÀNG SÁCH

BÁN BUÔN THEO GIÁ

HỘI ĐỒNG HÓA GIÁ ẤN ĐỊNH

§§ DO VAN THIEU §§

— BOITE POSTALE N° 11 —

68, Maréchal Foch, Vinh

PACIQUÉPACIQUÉPACIQUÉ

AUTORISÉ PAR ARRÊTÉ DU GOUVERNEUR GÉNÉRAL DU 1^{er} MAI 1939 N° 3089

Directeur gérant : VŨ ĐÌNH HỒE — Fondateur : ĐOÀN KẾ THIÊN — Imp. spéciale du THANH-NGHỊ